

梅嶺修書局史學叢書
Mai-Linh tu thư cục Sử-học tùng-thư

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Từ-Ngọc

Nguyễn Lân

Mai-Linh xuất-bản

Mai-Linh tu thư' cục

Nước ta muốn cho trình-độ trí-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học - thuật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-dịch ấy nên chúng tôi liên tiếp xuất bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bản và khảo về các vấn-đề văn-học, triết học, sử-học, y-học, khoa-học v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

- | | |
|----------------|----------------|
| a) Văn - học | d) Y - học |
| b) Sử - học | e) Phổ - thông |
| c) Triết - học | f) Giáo - dục |

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên-tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan-nghênh những tác phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của đồng bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cố-động và chiếu-cổ giúp cho.

Nguyễn Trường-Tộ
NGUYỄN LÂN

Sách này in lại lần thứ hai
ba nghìn cuốn giấy tơcng
và 50 cuốn giấy lụa Dó
tại nhà in **MAI-LINH** Hanoi
ngày 14 tháng 7 năm 1942

梅嶺修書司史學叢書
Mai-Linh tu thư cục Sử-học tùng-thư

阮長祚

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Từ-Ngọc

Nguyễn Lân

Mai-Linh xuất-bản

CÙNG MỘT TÁC - GIẢ

Cậu bé nhà quê (Tiểu-thuyết)

Khói hương »

Ngược dòng »

Hai ngả »



ĐƯƠNG SOẠN :

Vườn xuân

(Sách chỉ cách dạy trẻ

Âu yếm lẵng học sinh

Trường KHẢI-ĐỊNH

T. N.

Sách báo tham-khảo

Tập điều-trần của Nguyễn Trường-Tộ.

Bản dịch tập điều-trần Nguyễn Trường-Tộ của
Trần Mạnh-Đàn.

Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh tiểu sử của Lê-Thước
(Nam-Phong số 102, phần chữ Hán).

Nguyễn Trường-Tộ của Nguyễn Trọng - Thuật
(Nam-Phong số 180).

Bản dịch một số bài điều-trần Nguyễn Trường-
Tộ của X. T. T. ở báo Tiếng-Dân.

Nguyễn Trường-Tộ et son temps của Đào Đăng-
Vỹ trong báo « La Patrie annamite ».

Việt-Nam Tây-thuộc sử của Đào Trinh-Nhất.

Việt-Nam văn-hóa sử-cương của Đào Duy-Anh.

L'Empire d'Annam của Gosselin.

Histoire de la Cochinchine của P. Cultru.

Những bài về sử-thần Phan Thanh - Giản trong
Bulletin des Amis du Vieux Hué.



MÀY LỜI NGỎ TRƯỚC

Viết quyển sách nhỏ này về Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh, tôi không dám có cao-vọng khảo-cứu tường-tận về học-thức, tài-hoa, sự-nghiệp của bậc vĩ-nhân đệ-nhất của nước Nam, vì tôi tự xét không đủ tài và cũng không có được nhiều tài-liệu.

Song, một người có cái kiến-thức sâu rộng như tiên-sinh, một người có lòng yêu nước trên hết mọi sự như tiên-sinh, ta có bổn-phận phải luôn luôn nhắc nhở đến tên tuổi, đề tỏ lòng thành-kính nhớ ơn, đề treo một gương sáng giữa các anh em thiếu-niên ngày nay, và nhất

là đề bày trước mắt các bạn du-học tâm
hoài-bão thiết-tha của nhà tây-học sớm
nhất của đất nước.

Sở-học của tiên-sinh có thể không bằng
học-thức của một vài người trong các bạn
(vì tiên-sinh có đâu được cái hân-hạnh
sống ở bên Âu hàng chục năm như các
bạn, và cái trí-thức của người ta từ tám
mươi năm về trước đối với sự hiểu biết
ngày nay có khác xa nhiều) ; nhưng tấm
lòng yêu nước thương nòi và chí quả-
quyết thay cũ đổi mới của tiên-sinh đáng
đề các bạn suy nghĩ :

Một nước muốn chóng tiến-bộ, cần phải
có nhiều nhân-tài ; nhưng nếu sau khi
công thành danh toại, nhân-tài chỉ mong
ở một địa-vị cao-quí, được lương nhiều
bổng hậu, để vinh thân phì-gia, sống một
cuộc đời trướng-giả, rồi nhìn những người
xung quanh bằng con mắt hoặc khinh-ngạo,
hoặc ngờ-vực, thì dù có nhiều chẵn nữa,
phỏng những nhân-tài ấy có ích-lợi gì
cho xã-hội, cho quốc-gia !

Nguyễn Trường-Tộ tiên - sinh hăng - hái hiến thân cho nước, quên cả gia-đình, quên cả hạnh-phúc, quên cả những nỗi khó khăn ùn ùn nổi lên trên con đường tiên-sinh đã tự vạch lấy mà đi, thực đã cho chúng ta một bài học sáng-sủa rõ-rệt.

Một người như thế đáng cả quốc-dân tôn sùng ; tượng-đồng bia-đá, kẻ cũng còn là ít. Thế mà, nếu ta có thể về chơi xã Bùi.chu, ta sẽ thấy một nấm mộ đất lè-lè tiêu-điều ở giữa bãi Đá-mài hiu-quạnh, ấy là chỗ nghỉ ngơi của một bậc vĩ-nhân ! Ôi ! một nước vẫn tự nhận là văn-hiến, một dân-tộc vẫn có tiếng là biết nhớ ơn, lẽ nào lại lãnh-đạm với một nhà « đại-học-vấn, đại kiến-thức, đại tư-tưởng, đại nghị-luận » đã đem hết tâm can ra phụng-sự quốc gia, lẽ nào lại rẻ-rúng một nhân-tài đã làm vẻ-vang cho đất nước !

Vì nghĩ thế, chúng tôi không ngại bất-tài, mạo - muội viết quyển sách nhỏ này, mục-đích chỉ là đề tỏ lòng kính-phục một bậc tiên-bối có công với xã-hội và đề có dịp nhắc đến tên tiên-sinh giữa các bạn trẻ.

*Trong công việc này, chúng tôi được bạn
Đào-Đặng-Vỹ ở Huế và bạn Vũ Tuấn-Sán
ở Vinh giúp nhiều tài-liệu quý-báu. Tiện
đây xin có lời trân-trọng cảm ơn hai bạn.*

Huế, ngày 2-4-41

TỪ-NGỌC

VAI LỜI NÓI THÊM TRONG BẢN IN LẦN THỨ HAI

Sau khi cho xuất-bản lần thứ nhất quyển « Nguyễn Trường-Tộ » chúng tôi rất cảm-động được thấy các nhà phê-bình (1) và các độc-giả đôn-đả hoan-nghênh tác-phẩm mỏng-mạnh ấy của chúng tôi.

Chúng tôi cũng biết rằng quyển sách đó được quốc-dân chú ý, không phải là vì cái giá-trị cổ-hữu của sách, mà là do ở tấm lòng thành-kinh của đồng-bào đối với một bậc nhân-tài hiếm có của đất nước. Nhưng chính bởi thế mà chúng tôi vui-sợng, vì nếu nhờ quyển sách ấy mà nhiều người hoặc nhớ lại, hoặc biết đến học-vấn, tư-tưởng và nhất là lòng yêu nước sáng-suốt của Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh, thì chúng tôi đã đạt được cái mục-dịch thiên-cận của chúng tôi.

1) Các ông: Trung-Cương — (Việt-Báo) Hương-Trai — (Vi-Chúa) Tảo-Trang (L'Annam Nouveau) Nguyễn Tiến-Lãng (La Patrie annamite, Thiệu-Sơn (Gió Mùa) T. A. Trảng-An) Kiều Thanh-Quế (Tri-Tân)...

Chúng tôi chỉ tiếc rằng không có tài và không đủ tài-liệu để khảo-cứu kỹ-lưỡng hơn cho nên không thể làm hài lòng các bạn đọc đã muốn chúng tôi nói rõ thêm nữa về thân-thể của tiên-sinh.

Kể những tài-liệu có thể giúp ta nghiên-cứu về người, thì chỉ có tập điều-trần có chữ châu phê và một bản sao tập di-cảo hiện ở Bảo-Đại thư-viện. Ngoài ra ở Sử-quán có một ít bài phiến của đình thần dánh những tờ điều-trần của tiên-sinh lên ngự lãm, nhưng cũng chẳng cho ta biết gì hơn về thân thể của người. Chính trong bộ « Quốc-triều chính biên » nói đến việc phái tiên-sinh qua Pháp hồi tháng tám năm Tự-đức thứ 19 (1866) cũng chỉ có một câu gọn lỏn « Kiến giám-mục: Hậu cùng học trò là Nguyễn Trường-Tộ và Nguyễn-Điều qua Tây thuê thợ, và mua đồ máy ». Trong một tạp chí ở Paris năm 1867, nhan đề là « La Semaine religieuse » cũng có một câu nói đến tiên sinh « Người phương Đông trong phái bộ thì có hai ông quan và một kiến trúc sư theo đạo Thiên-chúa là một người có trí nhớ khác thường, có tài năng siêu việt và chính là người đã xây giáo đường của chúng ta ở Saigon ».

Những tài liệu ấy không đủ cho ta biết được rõ ràng cuộc đời của tiên-sinh.

Chúng tôi có về tận lãng Bài-chu để thăm hỏi người nhà họ Nguyễn Trường-Tộ nay tiên sinh còn một người con dâu là bà Đồ-Cửu (vợ ông Nguyễn Trường-Cửu) và hai người cháu trai là Nguyễn

Trường-Võ và Nguyễn Trường-Văn. Ông Văn thì vắng nhà, vì tu ở giáo đường Đức-hậu (Đồ-xương Nghệ-an). Còn ông Võ thì ở nhà làm ruộng, ông có cho chúng tôi biết rằng lúc sinh thời, ông Nguyễn Trường-Cửu có viết một quyển « Sự tích ông Tộ » bằng chữ nôm. Nhưng bản sự tích ấy đại khái cũng chỉ giống bản tiêu sử của ông Lê Thuộc, ông bạn đồng nghiệp đáng kính của chúng tôi, đã đăng trong tạp chí Nam-Phong (số 102 phần chữ Hán). Ông Võ lại còn đưa chúng tôi đến thăm một bà già, em gái họ của Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh, là người có thể biết rõ tiên sinh hơn hết, nhưng tiếc thay! bà cụ này đã già quá nên lú lẫn, không còn cho ta biết gì hơn nữa.

Có bạn đọc lại viết thư hỏi chúng tôi sao không nói gì đến cuộc gặp gỡ của Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh với Y-Đằng Bác-Văn, một bậc công thần của nước Nhật-bản hồi mới duy tân. Về câu chuyện đó chúng tôi cũng nghe thấy nói rằng khi tiên sinh gặp Y-Đằng Bác-Văn ở Hương-cảng, hai người trò chuyện rất tương đắc, nhà chi sĩ Nhật có phục tãi tiên sinh và nói rằng « Kề tài trí thì ông hơn tôi nhiều, nhưng cứ theo tình thế hại nước ta, thì tôi sẽ có thể dễ dàng thành công còn ông thì e sẽ hoàn toàn thất bại ». Tuy vậy, câu chuyện đó có thực hay không, chúng tôi không biết bằng cứ vào đâu mà dám nói ra.

Nói tóm lại, về thân thế Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh, chúng ta chưa có thể biết được tường tận vì

chưa có đủ tài liệu chắc chắn. Có lẽ chỉ vì tiên-sinh lo việc nước hơn việc nhà và hơn cả bản thân nên ngày nay chúng ta không được biết rõ về đời riêng của tiên-sinh. Song tập điều trần lâm li thõng thiết kia còn đời đời nhắc lại cho hậu thế cái tư tưởng lồi lạc của bậc vĩ nhân đệ nhất của nước Nam hồi thế kỷ thứ 19, thì dầu không biết được rành mạch những tung tích hành vi của tiên sinh, ta cũng đã hiểu rõ tấm lòng yêu nước tha thiết của người.

Chỉ một tấm lòng ấy cũng đủ khiến cả quốc dân tôn sùng, chỉ một tấm lòng ấy cũng đủ là một tấm gương sáng láng cho cả dân tộc soi chung !

Ấy thế mà trong hơn nửa thế kỷ tên tuổi của tiên-sinh hầu như đã bị xóa nhòa trong kỷ ức của đồng bào.

Mãi đến năm 1926, nhờ có tấm lòng sùng kính của ông Lê-Thước người đầu tiên có công biêu-dương sự nghiệp của tiên sinh một trường tiểu học ở Vinh mới được mệnh danh là trường Nguyễn Trường-Tộ (1). Cũng hồi đó, ông Lê-Thước, và mấy bạn đồng chí lại có vận động để xin Nam-triều tặg phong cho tiên sinh hàm Tực học sĩ (chánh tam phẩm).

Rồi từ bấy đến nay chỉ lẽ lẽ có một vài bài báo thỉnh thoảng đả động đến tiên sinh. Thậm chí

1) Năm ngoài ở Huế, một nhóm thân sĩ có lập một ký túc-xá ở phố Khải định cũng lấy tên là Ký-túc-xá Nguyễn Trường-Tộ.

ngôi mộ của người cũng chỉ là một nấm đất lè-lè
hin quanh ở giữa một cánh đồng khô khan.

Chính vì đã được nhìn thấy nấm đất ấy mà
chúng tôi đã có ý trích số tiền nhuận bút trong kỳ
xuất-bản lần thứ nhất để lấy tiền sửa sang phần mộ.

Ngày nay bán xong hơn chín trăm quyển sách,
chúng tôi đã thu được 110\$00. Một vài người bạn
của chúng tôi lại tự ý thêm vào ít nữa, nên hồi
tháng hai tấy chúng tôi đã gửi ra nơi cổ Laguc-
là linh mục Xã-đoài một số tiền là 133\$00 để nhờ
xây lại mộ cho tiên-sinh.

Số tiền ấy tuy nhỏ mọn nhưng nó có một ý
nghĩa cảm-động, là vì gần một nghìn độc-giả đã
có thể tự hào rằng mình đã gom góp một phần
vào cái công cuộc thiêng liêng ấy.

Gần đây chúng tôi lại được tin rằng một số thân
hào ở Thanh và ở Nghệ vì muốn tán thành ý kiến
của chúng tôi cũng đã góp được 271\$00 gửi đến Xã-
Đoài để thêm vào việc xây mộ. Vậy thì chẳng bao
lâu nữa, khách hoai-cổ qua xã Bùi-chu sẽ được
thấy một ngôi mộ xứng đáng với tấm lòng yêu
nước thiết tha của Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh.

Song bản phận của bạn hậu-sinh chúng ta không
những chỉ là phải biểu dương cái tài trí và tư tưởng
của tiên-sinh mà còn phải theo gương người coi
việc nước hơn việc nhà để điều công ích lên trên
cả những tư lợi nhỏ nhen,

*Giờ này không phải là giờ bàn xương tán rộng
nữa!*

*Giờ này là giờ ta phải nhận cái bài 'học của
tiền nhân mà dọn một con đường sáng sủa cho tương
lai.*

Huế ngày mồng một
tháng sáu năm 1942.

TÙ-NGỌC

I.— Nguyễn Trường - Tộ

Về cuối thế-kỷ thứ mười chín, cả thế-giới đã trải qua một cuộc biến-thiên to-tát :

Ở Âu-châu sau mấy cuộc cách-mệnh làm rung-động những nền tảng rất là kiên-cố, các chính-thể các chế-độ liên-tiếp đổi thay : Nước Pháp, một lần thứ ba nữa lại trở nên một nước cộng-hòa ; nước Đức, nước Ý thực-hiện được sự toàn-quốc thống-nbất ; nước Anh sốt-sắng cải-cách việc nội-trị để cho dân được thêm quyền.

Ở Mỹ-châu, nước Hoa-kỳ, sau cuộc Nam-Bắc chiến - tranh, thủ-liêu được cái tục mãi-nô, rồi dần dần bước đến địa-vị phú-cường. Còn những nước ở Nam-Mỹ thì vừa thoát khỏi vòng áp-chế của người Tây-ban-nha, đã tìm cách tự-cường với một tinh-thần dân-chủ mạnh mẽ.

Các nước Âu-Mỹ, sau khi tạm yên việc nhà, liền dòm sang châu Á, châu Phi.

Miền Đông Á đang mơ-màng trong giấc mộng nghìn xưa, sực nghe tiếng súng ngoài cửa ngõ, mới bàng-hoàng tỉnh dậy : Nước Nhật vội-vàng mở công ra đón lấy cái văn-minh mới, rồi từ thời-kỳ Minh-trị đã nghiêm-nhiên theo gót kịp người ; nước Tàu sau mấy trận thua liềng-xiềng mới biết rằng không thể kbur-khư giữ mãi cái thuyết « Bế-quan-tỏa-cảng », cũng bó buộc phải giao thông với người và nghĩ đến những việc cải-tạo trong nước ; cả đến nước Xiêm cũng nhìn rõ con đường phải theo, và ngay từ đời vua Chulalongkorn đã biết học theo những phương pháp mới.

Chỉ có nước Việt-Nam ta hồi ấy là nhất-định bung tai bịt mắt, không thềm để ý đến cuộc doanh hoàn. Tự nhận là một nước cồ-hiến, ta bo bo ôm chặt những hủ-tục mà ta cho là quốc-túy, quốc-hồn, chẳng chịu nhìn đến những sự thay-đổi trong thế-giới.

Trong lịch-sử Việt-Nam, thực không có lúc nào rối ren bằng lúc này :

Phía ngoài, giặc-giã nổi lên như ong vỡ tổ : nào giặc Tam-đường quấy - nhiều miền Thái-nguyên, nào giặc Châu-chấu dấy lên ở Sơn-tây, lại còn giặc Phung ở Quảng-yên, Cai-tổng Vàng

ở Bắc-ninh ; ngoài ra còn có giặc Nùng ở Cao-bằng, giặc Tà với những đảng Cờ-đen, Cờ-vàng, Cờ-trắng hoành-hành ở mạn Thượng-du.

Triều-đình cũng có sai quân đi chống giữ, nhưng hồi ấy việc binh-chế của ta còn thô - lậu lắm : « quân lính của mình mỗi đội có năm mươi người thì chỉ có năm người cầm súng điều-thương cũ phải chằm ngòi mới bắn được, mà lại không luyện-tập, cả năm chỉ có một lần tập bắn : mỗi người lính chỉ được bắn có sáu phát đạn mà thôi, hễ ai bắn quá số ấy thì phải bồi-thường » (1).

Ngay ở Kinh-đô, triều-đình cũng không được yên dạ, vì việc phản-ngịch của Hường-Bảo và bọn « Sơn-Đông thi-tử hội ».

Tình-thế trong nước bẽ-bộn như thế, nguy-nan như thế mà dân-gian vẫn như chưa tỉnh giấc mê.

Giữa lúc ấy, có một người sáng - suốt nhất, học-thức nhất, can-đảm nhất, tài-hoa nhất, nhìn rõ cái tương-lai mờ-ám của nước mình, muốn đứng lên kéo buồm theo gió để con thuyền Việt-Nam có thể lướt trên làn sóng văn-minh.

Người ấy là : NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ tiên-sinh.

1) Trần Trọng Kim, Việt Nam sử-lược, quyển hạ trang 220.

Ông Nguyễn Trường-Tộ là người làng Bùi-chu(1) tổng Hải-đô, phủ Hưng - nguyên, tỉnh Nghệ an bây giờ. Ông sinh năm Minh mệnh thứ chín (1828), là con một ông lang tên là Nguyễn Quốc-Thư.

Từ lúc bé ông đã thông-minh hơn người. Năm 18 tuổi theo học ông Ngũ-khoa Tá-tài Giai ở Bùi-ngõa, rồi học ông Cống sinh Hựu ở Kim-kê; sau đến tập văn trường quan Huyện Địa - linh lưu-tri. Học với ai ông cũng tỏ là một người sáng-láng và cần-mẫn vô cùng. Ngay từ hồi ấy, ông đã trọng cái học thực-dụng, nhưng cũng rất tinh-thông về lối học khoa-cử; lúc bấy giờ đã có tiếng là Trọng-Tộ. Vì triều đình cấm những người theo đạo Thiên-chúa không cho ứng-thi, mà ông lại là con nhà đạo gốc, nên ông không đỗ đạt gì.

Năm Tự đức thứ 11 (1858), nhà Giáo-đường Tân-ấp có nhờ ông đến dạy chữ Hán cho học-trò. Vì thấy ông là một người thông-minh hiếm có, nên ông Giám-mục người Pháp tên là Gautbier (lấy tên ta là Ngô-Gia-Hậu) dạy cho ông biết tiếng Pháp và giảng cho ông ít nhiều môn học Thái-

1. Ở bên bờ phía Tây Kênh Gai, nối sông Vinh với sông Cửa-lò đối diện với làng Xã-doài. Ngày trước làng Bùi-chu cùng xã với Xã-doài và hai làng Bùi ngõa, Bùi thôn bên cạnh. Nay Xã doài thuộc huyện Nghi-lộc.

Tây. Sẵn tinh biểu - học, ông hết sức chăm-chỉ để thâu - thái lấy cái học-vấn của người, không thiết gì đến công-danh lợi - lộc, không vương gì đến những sự thúc-phọc của thế-nhân. Trong một bài trần-tình (1) ông có viết câu: « Từ lúc nhỏ, tôi rất trọng sự giao-du và qui sự điềm-tĩnh, vẫn coi công-danh như nước chảy mây bay, cả đời không chăm về sản nghiệp, không thiết chi vợ con, và đoạn tuyệt cả tài-sắc ».

Năm Tự-đức: thứ 13 (1860), ông Giám-mục Gauthier về Tây, có cho ông đi theo Ông được qua thành La-mã, vào yết kiến đức Giáo-Hoàng Pie IX (2), rồi sang thành Paris học - tập trong mấy năm.

Cuộc du-lịch ấy đã khiến ông mở to mắt để nhận thấy sức cường - mạnh của người và cái kém cỏi của mình.

Lúc đầu đứng trước cái văn-minh sản-lạ của người ta, ông còn như bị choáng-váng ; sau ông nhất-quyết nghiên cứu kỹ - lưỡng để hiểu thấu cỗi-rễ cái sức mạnh của người Âu, những mong

1. Ngày 20 tháng 3 năm Tự-đức: thứ 16 (1863).

2. Hiện nay người cháu nội ông là Nguyễn-Trường-Vũ còn giữ được đồng tiền của Giáo-Hoàng Pie IX ban cho ông.

sau này đem sở-học mình về giúp ích cho đồng-bào. Trong vài năm ở thành Paris, ông khảo-cứu tường-tận, những môn học chính-trị, văn-học và kỹ-nghệ của nước Pháp. Chính ông đã tự nói : « Về học-vấn thì môn gì tôi cũng đề ý đến : trên là thiên-văn cao-xa, dưới là địa-lý sâu-sắc, giữa là nhân-sự phiền - phức, cho đến luật-lịch binh - thư, bách-nghệ, cách-trị, thuật-số, đều là nghiên-cứu đến nơi cả » .

Ông không những chỉ học trong sách hay trên ghế nhà trường như phần đông anh em du-học ngày nay, mà ông còn mầy-mò vào các xưởng thợ, các nhà máy, để xem từng ly từng tý, cho hiểu rõ cái cơ-xảo của người ta. Trong một tờ điều-trần ông viết : “ Tôi có đi với Cố Điều đến một lò nấu sắt lớn. Từ thành Paris đến chỗ đó cũng xa bằng từ Huế đến Nghệ-an. Chúng tôi ở đó luôn một tuần lễ, được xem hết các phép đúc sắt của người ta mới hiểu rõ cái chỗ phú-cường ở nước họ khác xa với nước mình ”. Thế rồi ông kể tỉ - mỉ từ cách tổ - chức trong xưởng đến các kích-thước, hình giáng và giá-cả của các vật-bạng.

Một lần khác, ông đi xem một xưởng chế đồ hỏa-mai, về sau kể lại “ Họ dẫn chúng tôi đi xem máy móc làm hột nổ. Công-trình của họ

thực lớn lao : mỗi ngày làm được đến một vạn hột ; số người làm trong xưởng ước ngoài ba trăm ” (1).

Nhờ có chí học chuyên về thực-dụng như thế, nên kiến-vấn ông rất quảng-bác. Không những ông hiểu rõ chính-trị, kinh-lẽ, địa-dư, lịch-sử của toàn-cầu (từ những cuộc thành-bại của Trung-quốc đến những nguyên-do thịnh suy của La-mã) ; ông lại còn giỏi về binh-pháp, ngoại-giao, thạo về kỹ-ngệ, thương-mại, thông về khoa-học, văn-chương.

Không một việc gì quan-trọng xảy ra trong thế-giới ở thời-dại ông mà ông không đề ý đến : Nói đến nước Pháp, ông kể tường-tận về việc nội-trị và việc ngoại-giao, từ trận Pháp-Phò chiến-tranh đến cuộc Ba-lê Công-xã : ông không quên nói đến việc hãm thành Sébastopol trong trận Hắc-hải, hoặc việc sách-lập Maximilien tại Mê-tây-cơ. Nói đến tình-hình Viễn-Đông, ông bàn đến cuộc cách-mệnh năm 1868 của nước Nhật, hoặc việc nước Anh chinh-phục Ấn-độ, hoặc việc nước Tàu phải bó-buộc ký với các cường-quốc Âu-Tây những điều-ước bất-bình-dẳng ở Bắc-kinh và ở Thiên-tân.

1. Ngày 20 tháng 10 năm Tự-đức thứ 20 (1867).

Hễ nói đến việc nước nào là ông cũng biết rõ hình - thế, chính - trị, kinh - tế và dân - cư nước ấy ; nói đến vấn - đề gì là ông cũng bày những chứng cứ hiển - nhiên hoặc những thí - dụ rành - mạch. Bàn đến một phương - pháp nào là ông nói cặn - kẽ các thực - hành và thường thường lại tự đảm - nhận lấy công việc. Cho nên từ việc chữa cái đồng - hồ cho đến việc sửa các máy móc lớn, từ việc mở mang Kinh - thành Huế cho đến việc trị - thủy ở Bắc - kỳ, ông đều biên trong các tờ điều - trần : « Việc này tôi nhận làm nổi, vì tôi đã biết được chu - đạo ». Ông thực là một nhà chính - trị đầy đủ, kèm thêm một nhà kỹ - sư có đặc tài ! Ông riêng giỏi về khoa kiến - trúc (1), nghề tim mỏ và nghề đào sông.

Ông lại là người trông rộng nhìn xa hơn kẻ khác nhiều lắm. Trong bài điều - trần ngày 18 tháng giêng năm Tự - đức thứ 19 nghĩa là đương năm 1866, ông đã đoán được đến việc phế - truất Hoàng - đế Nã - Phá - Luân đệ - tam, việc xảy ra chừng bốn năm về sau (1870). Trong bài điều - trần về

(1) Hiện nay ở Xã - đoàn còn nhà giáo đường nguy - nga do tay ông dựng lên. Ở Sài - gòn cũng còn một nhà tu lớn, tục gọi là Nhà Trắng, chính ông làm nên chỉ mất mười vạn, mà các nhà kỹ - sư dự - trù mất những ba - mươi vạn.

ình thế phương Tây viết năm 1871 (1), ông đã viết câu sau này, có thể dùng một đôi phần với cuộc Âu-chiến mới rồi : « Thế nào nước Nga cũng liên-hiệp với nước Phổ, để cho Phổ ra tay phía Tây-Bắc, mà Nga hoành hành phía Tây-Nam. Khi đó, nếu sức của nước Pháp đã phục lại và cùng nước Anh liên hiệp di nữa, cũng không thể thắng được ».

Cái học-thức yêm-bác, cái tài-năng quán - thế và cái trí minh-mẫn khác người ấy, ông muốn đem cả ra để giúp cho nước nhà đương ở trong một tình thế khó khăn, vì bầu tâm-huyết ông sẵn sàng đem hiến cho quốc-gia. Trong bài điều-trần về « Thiên-hạ đại-thế », ông có một câu : « Ông Hàn - công xưa có nói : biết mà không nói là bất-nhân, nói mà không hết lời là bất nghĩa ! Nay tôi tuy ở chỗ giang hồ mà lòng vẫn ở nơi đế-khuyết ; tôi không nở trông nước nhà chia xẻ, trăm họ lưu-ly, dù chức phận thấp bèn, cũng chẳng ngại tỏ bày đường đột ». Trong bài điều-trần ngày mồng mười tháng ba năm Tự-đức thứ 24 (1871), ông lại viết : « Tôi đem hết tâm trí để lo việc nước, vậy thì việc nước tức là việc nhà ». Cũng năm ấy ông có

1. Ngày 2 tháng 8 năm Tự-đức (1871)

viết một câu, có thể làm châm-ngôn cho mọi người: «Người bất trung với nước tức là bất trung với mình» (凡不忠于國者, 卽是不忠于己者 Phàm bất trung vu quốc giả tức thị bất trung vu kỷ giả) (1).

Ông hăng-hái với việc nước là chỉ cốt làm việc công, chứ không hề nghĩ đến tư-lợi. Ông tự ví với «con cá kính ở ngoài khơi, bè trong không có gia-đình ràng buộc, phía ngoài không có ai kiềm-chế», cho nên làm việc nước mà không cầu vinh. Ông chỉ mong trả xong nợ nước rồi «xin về cây ruộng để nuôi mẹ già, đợi khi có việc gì cần đến, lại xin phụng - mệnh, chứ tước - lộc thời không dám nhận» (2).

Lúc ông ở Tây về, thấy tình-thế trong nước chỉ có chức tạm-hòa là hơn cả; nên theo lời mời của Nguyên soái Charner, ông vào làm thông-ngôn trong Gia-định, những mong giúp hòa-cuộc được một đôi phần. Lúc bấy giờ ông tự ví với Trương-Lương thân ở Hán mà lòng cứ nhớ mãi nước Hán. Nhưng đến lúc Nguyên-soái Bonard tới, thấy cách hành-động khác thường, ông biết là hòa-cuộc khó

(1) Điều-trần về việc sinh-tái: 28 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24 (1871).

(2) Điều-trần ngày 20 tháng 12 năm Tự-đức thứ 23 (1870)

thành, liền quyết-ý từ-chức. Trong một bài trần-trình, ông có nói đến việc ấy : «Tôi quyết từ cho được. Hồi ấy bè bạn tôi đều cười là ngu-dại, họ cứ cho người ép tôi làm, tôi phải nhảy qua tường mà tránh đi. Họ thấy tôi bền lòng như thế, liền lấy quan-chức mà dỗ dành, tôi phải trả lời: «Làm quan thì có lương-bổng, không làm quan thì phải cực-khổ, chỉ làm một kẻ vơ-vẩn, nhưng tôi thà chịu là kẻ vơ-vẩn chứ không muốn làm quan».

Lòng ông rộng, chí ông to, tài ông lớn, nhưng tiếc thay! những bài điều-trần lâm-ly thống-thiết của ông, chỉ là những lời thuyết-giáo hùng-hồn ở giữa bãi sa mạc. Chính ông, ông cũng phải bực mình, đến nỗi ông phải nói thẳng rằng: «Chỉ vì tôi là một kẻ thường dân và lời nói lại thô vụng, nên Triều-đình không thèm để ý đến; chứ nếu có ông Khổng-Minh sống lại mà viết ra tập tấu này, thì, dù có sai lộn một đôi điều, cũng chẳng ai dám bàn đến» (1). Ba tháng sau, trong một bản điều trần khác, ông lại viết : «Vi Triều-đình chỉ theo lối cũ, cho nên lòng tôi tự-tiến rồi cũng mai-một mà thôi. Trước kia trong tờ bặ̀m về lục-lợi, tôi có nói : «Bài luận tế-cấp của tôi tuy làm đến trăm năm cũng không hết được mọi điều», thế

(1) Điều trần ngày 2 tháng 5 năm Tự-đức thứ 24 (1871).

mà đã bảy tám năm nay vẫn chưa thấy Triều-đình làm được việc gì, có lẽ để chờ trăm năm nữa mới làm được hay sao ? »

Tuy thế, ông cũng không nản lòng. Mãi đến lúc lực ông đã hồ kiệt mà lòng sốt-sắng của ông vẫn không nguội. Trong bài điều-trần về việc mua hỏa-thuyền, ông viết : «Hiện nay tôi đau bệnh tê thấp, gần thành một người phế-tật, phải nằm ngửa trên giường mà viết».

Thân ông tuy đau ốm mà lòng ông vẫn thiết-tha đến việc nước !

Tháng mười năm Tự-đức thứ 24 (1871), Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh từ-trần, đem theo một thông-minh siêu-quần, một tài-năng bạt-tuy, đáng lẽ có thể đem dùng để chuyên-di được thời thế, mà rút cục lại không được ích-lợi một mảy-may cho nước nhà, khiến bọn hậu-sinh chúng ta mỗi khi đọc lại những bài điều-trần mà ngao-ngán, ngẩn-ngơ !...

Tục truyền trước khi ông mất, ở ngực có một cục cứng không tan; khi đã khám-liệm rồi, có một người bạn đến khóc ông và than-thở tiếc cho chí lớn ông không đạt được, thì tự-nhiên thấy máu thấm ra ngoài vải liệm, cái cục cứng lúc bấy giờ mới vỡ. Có lẽ chẳng đến lúc từ-trần, ông còn uất ức vì lòng ông không ai hiểu thấu !

Ngày nay khách hoài-cổ về xã Bùi-chu, nhìn thấy căn nhà tranh xơ-xác, tả-tơi, trông thấy nắm mộ đất tiêu-diêu, âm-đạm ở giữa cái bãi Đá-mài trơ-trọi, gồ-ghề, chắc không thể chẳng ngậm-ngùi than thở cho cái số phận bầm hiu của nước nhà đã không biết dùng một nhân-tài lỗi-lạc, mà cũng không thể chẳng trách thăm sự lãnh-đạm của cả Quốc-dân đối với một bậc vĩ-nhân của đất nước.

. . .

II. — Nguyễn Trường-Tộ

Với
KHÔNG-GIÁO và HỦ-NHO

Ông Nguyễn Trường-Tộ đã sinh-trưởng ở cửa Không, sân Trình, đã từng đọc hết ngũ-kinh, tứ-thư, đã từng đọc cả bách-gia chư-tử, vậy ông cũng là một nhà nho, nhưng là một nhà nho chân-chính.

Ông vẫn tỏ ý kính-phục đức Không-tử, kính-phục tư-tướng của Ngài ; nhiều khi ông lại còn rập hành-vi của ông theo khuôn-mẫu của Ngài nữa :

Trong các tập điều-trần của ông, ông thường viện-dẫn những lời nói của đức Không để làm cho vững-vàng những lý-thuyết của ông. Ông lại hay kể đến tư-cách hoặc những chính-tích của Ngài để làm gương cho người khác noi theo. Thí dụ khi bàn đến nghĩa vụ ông quan, ông không quên nói : « Xưa kia khi đức Không-tử làm quan Tư-không nước Lô, Ngài trước hết đề ý phân-biệt

tinh chất năm thứ đất, rồi sau chỉnh-dốn những hủ-tệ. Lúc Ngài tới ấp Bồ, khen ngợi quan sở-tại, cũng chỉ khen trong vùng cỏ rác được sạch sẽ, ruộng nương được tốt màu, tường vách được bền chặt, cây cối được tốt tươi (1). Ông tin rằng đức Khổng làm như thế là phải và mong các ông quan đều bắt chước Ngài.

Xét những tinh-tinh, tư-tưởng của ông, ta cũng có thể nghiệm được cái ảnh-hưởng của Khổng-giáo:

Đức Khổng là người đạm-bạc, biết tìm « thú vui trong sự ăn cơm hẩm, uống nước lã, gối đầu cánh tay » (2), thì ông Nguyễn Trường-Tộ cũng là một người giản-dị, vui sống trong cảnh đơn-chiếc, thanh-bần. Mục-dịch của ông cũng như tôn-chỉ của Ngài, chỉ là « tu kỹ trị nhân », sửa mình để giúp ích cho đời. Cũng như Ngài, nhiều khi biết việc làm không chắc thành công mà ông cũng cứ cố gắng làm (3).

Vì cũng như Ngài, ông tự biết mình làm : đức Thánh khi xưa bôn-tàu ở các nước : Lỗ, Tần, Vệ, Tống, Trần, Thái, Diệp, chủ ý muốn

(1) Tế cấp bát điều, điều thứ hai : 20 tháng 10 năm Tự-dức thứ 20 (1867).

(2) Phạn sơ tự, âm thủy, khúc quảng nhi châm chi, lạc tại ký trung hĩ.

(3) Trí kỹ bất kha nhi vi chi (Luận-ngữ).

tim một cơ-hội để hành-đạo, là Ngài tự biết cái đạo của Ngài mà thi-hành được, tất có kết-quả tốt-tươi (1). Ông Nguyễn Trường-Tộ muốn đem bầu nhiệt-huyết ra giúp nước nhà, cũng vì cái lòng tự-tin ấy, cho nên ông đã nói : « Tôi tự xét học lực của tôi cũng đủ ứng-phó với đời, và những khi gặp vội, cũng đủ có cơ-quyền » (2).

Đến lúc hành-sự, đức Thánh có quan-niệm tùy-thời, chiết-trung (3), thì ông cũng khuyên người nên lựa chiều che gió và chằm-chước cái cũ của ta với cái mới của người (4).

Ông lại còn chịu ảnh-hưởng cái thuyết chính-danh của đạo Khổng (5). Trong bài « Tế-cấp bát điều » ông viết : « Đại phạm ở thế gian, tất cả các loài sinh-vật, đã chịu một cái tính-chất phú-thác cho, thì phải có một chức-trách... Loài người cũng vậy, nào vua, nào quan, nào lính, nào

(1) Cầu hữu dụng ngã giả, cơ nguyệt nhi dĩ khả dã, tam-niên hữu thành (Luận ngữ).

(2) Điều trần ngày 18 tháng 2 năm Tự đức thứ 24 (1871).

(3) Quân-tử nhi thời trung (Trung-dụng).

(4) Trong bài điều trần ngày 23 tháng 7 năm Tự đức thứ 19 (1866) ông có viết câu : « Tôi muốn giữ lấy cái hay của mình, nhưng phải học thêm cái hay của thiên-hạ mới tìm ra, như thế cái mới của họ ta cũng có, mà cái cũ của ta thời họ thiếu đi ».

(5) Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. (Luận ngữ).

dân, ai nấy đều có một phận sự ». Vậy thì người nào ở địa-vị người ấy, mỗi người có một bổn-phận riêng, mỗi người có một quyền-hành riêng.

Đến cả cái thuyết thiên-mệnh, tri-mệnh của đức Thánh, ta cũng thường thấy nhắc đến luôn trong các tờ điều-trần. Ta hãy so - sánh hai câu sau này : Trong *Trung-dung* có câu :

« Trời sinh muôn vật, tất nhân cái tài-lực của từng vật mà làm tăng lên, cho nên vật nào có thể vun-đắp thì vun đắp thêm vào ; vật nào đã sẵn nghiêng-lệch thì làm cho đổ nát đi (1).

Trong bài điều-trần về lục-lợi, ông viết :

« Đấng Tạo-vật vô-cùng hiếu-sinh, đã ban cho ta những địa-lợi rất tốt, lại sinh cho ta những nhân - vật rất hay, bản cũng muốn cho ta được thịnh-vượng đề dựng nên một cái lạc-quan trong vũ trụ, vậy ta cũng nên vâng theo cái ý rộng-rãi của đấng Tạo-vật ».

Xem mấy điều sơ-lược đó, ta thấy rõ ràng rằng ông Nguyễn Trường-Tộ dù đã thâm-tín Tây-học, cũng vẫn còn là một đồ-đệ trung-thành của đạo Khổng, nhưng là của đạo Khổng uyên-nguyên chứ không phải của Tống-nho.

1.) Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên ; cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi, (Trung dung.

Vi thể chính ông là một nhà nho, mà ông ghét cay ghét đắng bọn hủ-nho. Ông cho rằng tại bọn họ mà quốc-gia yếu hèn, tại bọn họ mà dân - trí thấp kém, tại bọn họ mà các hủ - tục cứ tồn - tại mãi mãi với núi sông.

Đối với ông cái học của bọn hủ-nho là một cái học không thiết-thực. Họ chỉ chúí đầu vào sách, học những cái viển vông quá mùa, chứ hỏi đến thực-tế thì ù-ù cạc-cạc.

Họ nói đến những phong-tục, chính-sự bên Tàu từ đời thượng-cổ mà không biết gì đến những việc xảy ra ngay trước mắt ; bàn đến Hàn-T'in, Tiêu-Hà, mà không hiểu đến lịch-sử cận-dại. Khi điều-trần về sự cải cách việc học, ông viết : « Nếu họ đem cái công học những tên người, tên đất, những chính-trị, nghĩa-lý từ Đường Ngu cho đến Tống Nguyên mà chăm học về hình-luật, tài-chính, kiến-trúc, nông-tang, thêu-dệt, và những cách mới ngày nay, thì cũng có thể làm cho nước được giàu mạnh ; cơ sao trong dân-gian không người nào đua nhau học những sự thực dụng ấy, mà chỉ thấy bàn-bạc đến những việc về đời Phục-Hy, Thần-Nông mà thôi ? »

Đứng trước những công việc bề-bộn của nước nhà, bọn hủ-nho chỉ biết ngâm-ngã thơ phú. Họ không biết rằng : « Thơ phú chỉ trau giồi những lời mây, gió, mưa, mù, không thể đem ăn cho

đỡ đỏi được ; kinh nghĩa thì đã có tiên-nho chú-giải rõ ràng, cần chi phải chấp đuôi thêm !... lại như văn-sách cho trị-đạo nhà Hán là tạp-bá, trị-đạo nhà Đường là chưa thuần, tạp-bá với chưa thuần thì cũng mặc người ta ! Về phần mình thì hãy xét trị-đạo của mình đã : nước chưa giàu sao không kiếm cách gì làm cho nước giàu, binh chưa mạnh, sao không làm cách gì cho binh mạnh, dân chưa lương thiện, sao không dạy dỗ cho họ thành lương-thiện, dân đen cực-khổ, sao không tìm cách cứu giúp cho họ... » (1).

Đã không hiểu được thời-thế, bọn hủ-nho lại còn dương-dương tự-đắc, trọng mình, khinh đời. Họ tự cho họ là thanh-cao, là quý giá, nhưng thực tình, họ chỉ là những con ký sinh-trùng của xã-hội : Ngay lúc còn đi học, họ đã được hưởng cái lệ nhiều-học là một cái lệ đặc-biệt của nước ta : “ Khắp cả thiên - hạ, không đâu có lệ ấy, thế mà nhân - tài của nước ta chẳng thấy thêm nhiều, mà nhân tài nước khác chẳng thấy bớt đi, vậy nước ta chỉ cho vay mà không ai trả lại... Chính mắt tôi thường thấy nhiều người khuyên nhau cứ học về môn văn chương, dù không có phận làm quan đi nữa, cũng khỏi phải ra lính như dân bà, sẽ được thung-dung

1. Tế-cấp bát điều, điều thứ tư.

tự tại. Lại có nhiều người đi họ: vừa có tiếng giỏi đã ngày nào cũng miệt mài trong sông bạc; vay tiền của người ta rồi họ lại rằng: «Đề khi nào tôi dạ một tiếng ở cửa trường thi, sẽ tha hồ có tiền để các ông tiêu». Bọn ấy thực là bọn ăn trộm thuế-khóa của nhà nước một cách khéo léo!».

Vì được trọng-đãi quá, nên họ sinh ra kiêu-căng, miệt-thị tất cả mọi người, cho ai cũng thua kém mình cả. Chính bọn họ là những người phản động, câu nệ, chỉ muốn bo bo giữ lấy những thói tục nghìn xưa: “Nước ta có nhiều nhà nho thường khen xưa chế nay, đem lời biện luận mà làm rối việc chính-trị... Không biết rằng thời thế đổi thay, nhiều phương-pháp ngày xưa, không thể áp dụng đời nay nữa (1).

Vì nhà nho có những cử chỉ ương gàn, nên lắm lúc ông Nguyễn Trường-Tộ phải phát câu lên: “Các nho sĩ cả đời đọc sách, đáng lẽ hành-vi cử chỉ phải mực thước mới phải, thế mà có nhiều người xử-kỷ tiếp vật lại không bằng những người đốt nát, là tại làm sao?”

Đây là ông mới nói sơ-sơ mà thôi, vì ông còn sợ chạm nọc những người đồng thời với

1) Điều trần về Lục lợi: tháng năm năm Tự đức thứ 17 (1864).

ông. Cho nên ở cuối điều thứ tư trong tập “tế cấp bát điều”, ông viết : « Tôi cũng chỉ nói những cái tệ thiên-cạ hiên-nhiên mà thôi, còn như những mối tệ đoan của nhà nho đã làm tai hại cho cả nước Tàu và nước ta, thì dù có nói đến vài trăm khoản cũng không hết được”.

Muốn trừ những mối tệ ấy, không những ông xin triều-đình cải cách việc học cho thiết thời (như bài sau sẽ nói đến), mà ông còn muốn các hạng tú, cử bỏ văn chuộng võ, cho họ có một cuộc đời hoạt động, may ra họ thay đổi được tư cách họ chẳng? “Đương lúc này, có sao Triều-đình không lựa những cử-nhân, tú-tài có sức mạnh, bắt họ bỏ văn qua võ, học các sách võ kinh, rồi phong cho họ những chức quản đội trở xuống; hễ họ đã học việc binh được ba năm thì cho họ thi mà bổ-dụng, chắc là họ phải klá hơn những viên ở binh-ngũ thăng lên. Như thế có hơn là để họ nhàn-cur rồi dự vào việc dân làng cho thêm nững-nhiều không?”.

Đọc những lời ông Nguyễn Trường-Tộ ta thấy ông rất bực mình với bọn hủ-nho ở cuối thế-kỷ thứ mười chín; ông công-kích họ, vì họ đã làm chậm cuộc tiến hóa của dân-tộc ta. Nhưng thực ra, ông không phản-đối Khổng-giáo như giáo sư Trần Độc-Tú ở thời-kỳ Tân-văn-hóa vận-động bên Tàu,

hoặc như ông Tú Phan-Khôi, một nhà nho ở nước ta đã phải lòng « cô Lý-Luận » Âu - Tây. Ông có phản-đối là phản-đối cái nho-giáo của Tống-nho nó đã sinh đẻ ra một hạng người ươn-bèn, hủ-lậu, không ưa hoạt - động, không thích canh-tân, chỉ mong mỗi sống một cuộc đời an-nhàn vô sự, bên mấy cây cảnh, giữa đám hầu non, với một bầu rượu và những bài thơ yếm-thế. Hạng người ấy quả là một cái ung-độc trong xã - hội Việt-Nam.

III.— Nguyễn Trường-Tộ VỚI VIỆC CẢI-CÁCH NỀN HỌC-THUẬT

Tương-lai một nước mạnh hay yếu là nhờ ở thiếu-niên, mà thiếu-niên giỏi hay hèn là nhờ ở nền học-thuật. Cho nên « học-thuật lờ-mờ thì phong-tục đồi-bại, mà nhân tâm cũng phù-bạc điều-trá » (1).

Trong cái chương-trình cải-tạo nước Việt-Nam, ông Nguyễn Trường-Tộ cho việc học là việc cần và phải mau mau cải-cách.

« Từ xưa đến nay, việc đời không có việc gì không nghĩ mà biết được, không học mà làm được ; dù bậc thánh-nhân cũng phải học ; hướn-

(1) Tế-cấp bát điều, điều thứ tư.

chi là kẻ thường nhân. Học thực-dụng, kết-quả sẽ được thực-dụng, nên học mà hư hèn, thì rút cục sẽ phải hư hèn » (1).

Theo ý ông, thiếu-niên nước ta có tư-chất thông-minh và rất chịu khó học. Trong tập điều-trần về « thiên-hạ đại - thế » (2), ông viết : « Cứ xét nhân-tài các nước Đông-phương, đã ai tài-tri hơn người Việt-Nam ta ! Chính người nước ngoài cũng phục người nước ta là có trí-xảo... Người Âu-Tây cũng khen rằng : Người Việt-Nam học tập rất là mau chóng và lanh lợi ». Đến bài điều-trần về Lục lợi (3), ông lại viết : Người nước ta thân-thể trung-bình, có nhiều tài-tri, học giỏi về cơ-xảo, lại có tình muốn học sự hay của người, chứ không ngạo mạn tự-đắc như người Trung-quốc. Các bậc thông-thái các nước, khi bàn chung về đại-thế của thiên-hạ, thường cho người nước ta là đã có địa-thế tốt lại có tình-chất hay, nên cuộc tiến-hóa sau này chưa biết đến chừng nào ! ».

Nhưng sở dĩ người mình còn chịu kém-cỏi là vì học - thuật của mình không theo thời

(1) Điều-trần về việc học tập : 23 tháng 7 năm Tự-đức thứ 19 (1866).

(2) Chưa rõ ngày tháng.

(3) Tháng năm năm Tự-đức thứ 17 (1864).

mà thiếu - niên trong nước thì bị cái hại từ-chương nó đánh bả, nó làm cho mê-muội yếu-hèn. Ở thời đại ông, sự học không những không thiết-thực mà lại còn vô-ý-thức nữa : « Thừa bé học những văn-tự thơ phú, lớn lên lại làm những việc về luật-lich, binh-hình ; thừa bé học những tỉnh Sơn đông, Sơn tây mắt chưa hề trông thấy, lớn lên lại làm những việc ở Nam - kỳ, Bắc-kỳ mà chân thường đi tới ; thừa bé học những thiên-văn địa-lý, chính-trị, phong tục nước Tàu hiện nay đã thay đổi đi rồi, mà lớn lên làm những việc thiên-văn, địa - lý, chính-trị phong-tục ở nước Nam, mỗi nơi một khác ; thừa bé học những việc về lễ-nhạc, yến-tiệc, cư-xử, chiến-tranh trong thời quá-khứ ở nước Tàu, mà đến lớn thì làm những việc về lễ-nhạc, yến-tiệc, cư-xử, chiến-tranh ở nước Nam hiện-đại ».

Thấy chung quanh ông, ai nấy đều học-hành như thế, ông lấy làm bực : mình lắm. Người ta kể chuyện : lúc thiếu - thời, khi ông còn theo học ông huyện hưu trí Địa - linh, có một hôm thầy trò dắt nhau đi chơi núi ở Cửa-lò. Bè bạn của ông đua nhau ngấm vịnh, riêng mình ông cứ ngồi trầm-tư một chỗ. Một lúc sau, ông quay lại hỏi chúng bạn : « Các anh có biết núi này cao bao nhiêu thước, diện-tích là bao và cách núi

Song-ngư là bao nhiêu không? Thấy không một ai trả lời được, ông cười mà nói rằng: « Đi chơi núi mà không biết núi cao bao nhiêu thì binh-sinh sử-học là những gì? ».

Vi chuộng cái học thực-dụng như thế, nên trọng tập điều-trần, ông luôn luôn xin Triều-định cải-cách việc học.

Hồi ấy, nhà nước chỉ trọng có văn-chương, nên nước nghèo dân kém. Vả lại « người đời tính tình khác nhau, mỗi người có một sở-trường để đem ra ứng-dụng. Nếu Triều-định chỉ chuyên dùng một môn văn-chương, thì những người có sở-trường khác, chẳng trông mong gì được, còn gắng sức học tập làm chi! »

Bởi vậy ông xin đặt thêm nhiều môn học mới: luật-học, sinh-ngữ-học, nông-học, cách-trì-học, kỹ-nghệ-học...

Về luật-học, ông muốn xin « đem bộ quốc-luật với những thể-lệ từ đời Gia-long trở lại, bắt cả quan và dân ai nấy đều phải học », vì nếu ai ai cũng biết dựa theo lẽ công-bình trong sách luật để làm mọi việc, thì quyền phép chính là đạo-đức vậy.

Về sinh-ngữ-học, thì ngay từ thời-dại, ông đã nhận thấy sự cần-thiết. Trong bản điều-trần về việc học-tập, ông khuyên Triều-định

nên “hỏi cõ người nào đã học tiếng ngoại-quốc thì dòi đến cho họ thi. Nên chia các tiếng ra làm bốn hạng : 1.) Tiếng Pháp ; 2.) Tiếng Tây-ban-nha và tiếng Anh ; 3.) Tiếng Tàu và tiếng Qua-oa (1) ; 4.) Tiếng các xứ Mường, Lào ở phía Tây nước ta. Hễ ai đỗ thi được chức hành nhân ú-tài, được tha tạp-dịch suốt đời hay trong một hạn mấy năm”. Đến bản điều-trần về việc phái học sinh đi học, tiếng ngoại-quốc (2), ông lại viết : “Người nước ta hiện nay rất cần phải biết tiếng Anh và tiếng Pháp. Và nếu muốn mở mang sang đến phía Tây giải núi Trường-son để thu hoạch lấy nguồn lợi và kế-tiếp công-nghiệp khai-thác của Liệt-thánh bản-triều để lưu lại cho hậu thế, thì những tiếng nói mọi mường ở bên kia giải núi ấy ta cũng phải biết mới được”. Cũng trong bản điều-trần ấy, ông bàn nên chia du học sinh ra hai bọn : một bọn học tiếng nước Pháp, một bọn học tiếng nước Anh ; những lúc họ rảnh, lại bắt học tiếng Qua - oa và tiếng Tàu, thế là học một mà biết thêm hai ba thứ tiếng.

1) Java

2) Ngày 25 tháng 2 năm Tự-đức 24 (1871)

Ông xin đặt ra khoa Nông-học, là vì đại-đa-số dân ta chuyên về nghề làm ruộng (1). Muốn dạy dân tinh về nghề làm ruộng, ông xin cho « ban khắp trong nước bộ *Nông-chính toàn-thư*; rồi thông-sức cho toàn quốc, xem ai tìm được cách làm ruộng thế nào cho lợp với thổ-nghi, xem có ai biết thời-tiết sớm muộn thế nào, thóc lúa nên trồng thế nào, giống vật nên nuôi thế nào, mỗi việc đều nên trình rõ ràng, để đem về Bộ so sánh với sách *Nông-chính* mà soạn ra một quyển sách khác; còn ở sách cũ, nếu có điều gì không hợp với thời-tiết, thổ-nghi nước mình thì bỏ đi ». Khi đã có sách rồi, thì dân có thể học để thi ra làm nông quan, khác nào các nhân-viên trong ngạch canh nông ngày nay.

Cái Lọc cũ của mình thấp kém, chính là vì mình chỉ chăm vào những chuyện viên-vông mà không biết gì đến những cái trước mắt: « Nhiều người không biết trên đầu ta đội gì, dưới chân ta đạp gì, ta được nuôi sống là nhờ gì, bắt đầu lai-lịch ta từ đâu ». Cho nên ông muốn người trong nước phải học để hiểu sự-lý vạn-vật. « Những công-phu thành-ý, chính-lâm, tu-thân, tề-gia phải ở sau sự trí-tri, cách-vật, mà muốn

1) Xin xem bài thứ VIII về việc Nông-chính.

cho được tri tri, cách-vật, thì phải học cho biết ». Môn học ấy chính là môn vạn-vật-học trong các trường ngày nay vậy.

Ông lại xin Triều - đình thêm vào hai môn : thiên-văn và địa-lý, vì đối với ông, hai khoa này là gốc cả trăm việc. Nhưng học thiên-văn, địa-lý là học những thực-sự, thực-lý về thiên-thời, địa-thế, chứ không cho lẫn vào trong môn thuật số và phong thủy rất hại cho phong-tục.

Còn về kỹ-nghệ học thì ông cho là rất quan-trọng, vì nước muốn giàu mạnh cần phải có công-nghệ, người muốn giỏi giang cần phải biết khoa-học. Chính ông ông đã là một người thông-thạo về khoa-học và khoa học thực-hành: Trong bài điều-trần về Lục-lợi, ông cắt nghĩa cho các quan trong Triều biết những đại-cương về thị-học, trọng-học, hóa-học, và khoáng-học. Ông hiểu thấu các then - chốt của cơ khí, từ các máy nhỏ như máy đồng hồ đến bộ máy lớn như máy tàu máy đúc. Vì thế ông muốn người trong nước cũng quý khoa học, cũng trọng công - nghệ như ông. Trong bài điều-trần ngày 12 tháng 2 năm Tự đức thứ 21 (1863), ông biên cả một chương-trình về việc sắp đặt mở trường Kỹ-nghệ : nào cách-thức bài-trí phòng học, nào việc sắm sửa khí-cụ, nào phương pháp giảng dạy, thầy thầy ông đều nói đến.

Muốn cải-cách việc học, điều cần nhất là phải có sách cho học-sinh học. Trước ta hơn bảy-mươi năm, ông Nguyễn Trường-Tộ đã nghĩ đến việc dịch sách ngoại-quốc, một việc biện nay vẫn còn là vấn-đề khẩn-cấp cho nền học-thuật nước nhà.

Khi ông ở Pháp về, ông có đem nhiều sách thiên-văn, địa-lý và những sách cơ-xảo của Âu-Tây. Những sách đó ông có nộp cả cho Triều đình và yêu-cầu nhờ người ngoại-quốc dịch ra cho quốc-dân dùng : « Xin viết thư cho các vị giám-mục ở các xứ phải lựa cho mỗi xứ hai ông cố đạo người Tây mà am-hiểu tiếng Nam để về Kinh dịch sách, như các quan trước-tác ở trong Triều ; rồi lại mua một bộ máy in để in phát cho dân chúng ». Hoặc kén người trong nước để dịch : « Nếu có người trong nước thông-hiểu được các sách máy móc Tây-phương mà có ích về thực-dụng, thì cứ cho theo đấy dịch ra và bắt họa đồ-bản nữa. Hễ dịch được một vài quyển trên một nghìn tờ giấy gửi về Bộ, mà người Tây xét lại cho là đúng, thì xin cho người dịch chức cử-nhân tại-gia ».

Ông lại còn mong Triều-đình in công-báo cho học-sinh : « Nên đem những sắc, chỉ, chiếu, dụ của nhà vua, những sự-trạng của các danh-thần và việc chính-trị trong nước, in ra thành nhật-

báo cho học-sinh đọc để biết việc cai-trị của nước nhà. Sự ích-lợi này thấm-nhuần như mưa móc, không thể chỉ-định được, làm lâu rồi sẽ biết ».

Mở mang việc học trong nước cũng chưa đủ. Ông còn xin Triều-đình cho học sinh đi du-học ngoại-quốc nữa. Việc này, ông rất lưu-tâm, nên trong các tờ điều-trần, ông nhắc đến luôn luôn :

Trong bài luận « Thiên-hạ đại-thế », ông đã viết : « Sau khi nhân-dân đã được yên-lặng, sẽ phái người đi học khắp nơi, học lấy phương-pháp chính-chiến của các cường-quốc, học lấy mọi nghề trí xảo của thiên-hạ ; ăn ở với họ lâu ngày, rồi lại so tài so đức để biết tinh-thế của họ, học cho tinh rồi sinh xảo, xảo rồi trở nên mạnh ».

Đến lập điều-trần ngày 20 tháng 2 năm Tự-đức thứ 21 (1), ông lại biên : « Việc phái người đi học nên lắm, vì có một điều rất hay là tỏ cho thiên-hạ biết rằng nước ta bây giờ đã muốn chấn-hưng để ganh đua với các nước khác.

Rồi ông chỉ bảo cặn-kẽ cách thức cho học-sinh đi du - học : « Sự đi về của học-sinh thì nhờ các người Pháp trông nom, còn sự học - hành thì nên ký thác cho một hội học. Bọn học-sinh cần

1) 1868

phải cư-trú ở một nơi có qui-củ, tâm-tri mới khỏi xao-nhãng và học-hành mới được tiến ích. Thành Ba lê là chỗ rất phồn-hoa, nếu không biết giữ-gìn cẩn-thận, thì dù là hạng lão-thành kiên-nhẫn cũng phải say đắm nguyệt-hoa, hưởng-chi là bọn thiếu-niên! Học sinh mới qua nên tìm những trường nhỏ mà học, đã được nhẹ học-phí và tiền ăn, mà sự học cũng được bước theo trật-tự khỏi sinh ra chán nản... ».

Trong bài điều-trần về việc huấn-luyện người cầm máy lầu (1), ông cũng nói đến việc du-học: « Muốn cho người đi học việc chế-tạo và chạy máy, tôi thiết-tưởng phải cho độ ba-mươi, bốn-mươi người khéo tay, chừng ba-mươi tuổi trở lên, để cho học việc chế tạo; lại phải kén độ mười người thông-minh, từ hai-mươi-lăm tuổi trở lên, để đi học các khoa đại-số, trọng-học, hóa-học, thị-học... Phải cho họ sang học tại kinh-đô nước Pháp hoặc kinh-đô nước Anh, độ tám chín năm mới có thể hiểu được khá khá.. Nếu Triều-đình muốn thi-hành hai điều-kiện tôi đã bày ở trên thì Nguyễn-Hoảng (2) với tôi tình-nguyện đi Tây với hai hạng người đó

1) Không rõ ngày tháng

2) Sau làm linh-mục, có làm thông-ngôn cho Triều-đình giao tiệp với người Pháp.

đề giảng-giải những chỗ họ không hiểu, giúp-đỡ những việc họ không làm được. Như thế chỉ trong mười năm là họ học thành - tài, vì các môn ấy tôi đã từng rõ sự lý và hiểu những chỗ đại-yếu, còn Nguyễn Hoảng thì thông-thạo tiếng Tây, cắt nghĩa sẽ được minh-bạch ».

Ấy đấy một chương - trình cải - cách học-thuật rộng-rãi như thế, nếu Triều-đình hồi ấy đem ra thi-hành, thì đã hơn nửa thế-kỷ nay ta có biết bao nhiêu nhân-tài rồi!

. . .

IV. — Nguyễn Trường - Tô

với

QUỐC-ÂM

Sau hơn một nghìn năm nội-thuộc nước Tàu, người mình chịu ảnh-hưởng rất mạnh của Trung-quốc : phong-tục, lễ-nghi, tư-tưởng, văn-chương thấy thấy đều bắt chước theo người phía Bắc cả. Sở dĩ người mình không bị đồng-hóa với người ta là vì mình còn giữ được tiếng nói riêng của mình. Nhưng có tiếng mà không có chữ, nên ngay từ khi Sĩ-Nhiếp mở mang việc học ở nước ta, người mình đã đổ-xô vào học Hán-tự. Trên từ sắc, chiếu, chỉ, dụ của Triều - đình, dưới đến văn-khế, thư - từ của dân - gian đều dùng chữ Hán cả. Và lại học - hành ở nhà trường, văn - bài các kỳ thi đều chỉ dùng có một thứ chữ ấy. Trải qua bao nhiêu triệu - đại, người

minh chỉ biết trọng có chữ ngoại-quốc ấy mà thôi. Tuy đã có thứ chữ nôm để làm Việt-tự, nhưng người trong nước đều cho « nôm na là cha mách què » không thèm dùng đến.

Mãi đến đời nhà Nguyễn, thói ấy vẫn còn ăn sâu vào óc mọi người. Ông Nguyễn Trường-Tộ tuy là một người thâm-hiểu Hán-học cũng thấy tục ấy là một sự trở-ngại lớn-lao cho cuộc tiến-hóa của nước mình. Ông viết : « Nếu một người nói ra một câu, lại phải nhờ một người khác dịch ra, tức là một người nước khác rồi. Một nước Nam ta mà có hai thứ âm-thoại, hai thứ văn-tự, chẳng hóa ra một nước mà ngăn ra hai thứ người sao ? (1) ».

Người mình mà học chữ Tàu thì có nhiều điều bất-tiện :

Một là học khó vì « chữ mình học đã không phải chính âm của nước Tàu, mà cũng không phải là âm-thoại của ta ; khi học chữ phải dùng mục-lục để xem tự hoạch, lại phải dùng tâm-trí để nhớ lấy các tiếng lạ, còn âm-vận thì chỉ người có học biết lấy mà thôi, chứ người bất-học nghe đến chẳng khác gì như nghe giọng quạ kêu, chim hót ».

(1) Tế-cấp Lát điều, điều thứ tư, khoản thứ năm.

Hai là dễ sai-lầm : « Những người thông-minh ở nước ta, đua nhau học chữ Tàu ; đương lúc trai tráng, không biết làm gì để lập công-nghiệp mà cứ hao công đèn sách, cặm-cui suốt năm, bình như muốn học để làm những người Tàu, nhưng đem tiếng ấy nói với người Tàu, họ không thể hiểu, mà nói với dân ngu họ cũng chẳng biết gì. Một tờ trát-văn, cắt nghĩa mỗi người một khác, một chữ trong sách Luật có thể thay đổi tội-tình, đơn khai từ tụng, thường bị các thầy cò múa bút nói sai, dân-gian khai báo không kể được sự-tình phiền-phức. Vả lại khi nhà nước truyền xuống một chính-lệnh gì, phải có người văn-nhân cắt nghĩa cho bình-dân nghe, nhưng có khi họ cắt nghĩa không rõ ràng hoặc viện-dẫn xuyên-tạc, cho nên bọn dân đen không hiểu được ý-tử của Triều-đình, tất-nhiên là bị sai lầm ».

Vì học khó khăn như thế, nên trong nước có nhiều người thất-học, nhiều người ngu dốt : « Ở Âu-Tây cứ mười người đàn ông có một người không biết chữ, mười người đàn bà có bốn người không biết chữ. Tuy không biết chữ, nhưng mỗi khi nghe người ta đọc những chiếu-chỉ, từ-trát hay là sách vở gì, đều hiểu được cả, vì rằng chữ của họ, tức là tiếng của họ », chứ ở nước

mình giữa phải biết chữ và bọn không học có một cái hố thực sâu.

Có lẽ chính vì thế, mà bọn có học lại càng tự - cao và càng khinh rẻ tiếng của mình : « Thâm-chí khi viết thư từ cho người khác mà viết bằng quốc-âm thì họ cho là khinh mạn, xem sách thuốc chữ nôm mà chữa bệnh thì họ cho là thầy dốt, nói tiếng mẹ đẻ mà không chằm vào một ít chữ nho, thì họ cho là quê mùa. Có một hạng nữa chỉ cốt làm văn chương cho hiểm-học khiến người ta đọc không thông nghe không hiểu mới gọi là kỳ-tuyệt ; phải có người thông-thái giải-thích, một chữ có khi đến mấy nghĩa, một ý xoay ra nhiều ngả, như vậy mới gọi là thủ-đoạn của văn-hào. Nhưng thực ra văn-tự là để thay cho lời nói, mà nói ra thì mong cho người ta nghe được hiểu rõ, chứ nếu nói mà nhiều người không hiểu, thì không phải là tiếng người nữa rồi ! ».

Muốn cho việc học phổ-cấp trong dân-chúng một cách dễ-dàng hơn, ông Nguyễn Trường-Tộ yêu-cầu Triều-đình cải-cách chữ viết và cho đọc theo quốc-âm.

« Nay xin lấy chữ Tàu làm mẫu, lựa chữ nào tiếng đã hợp với tiếng ta, thì cứ đọc

theo quốc - âm, không phải đợi giảng nghĩa ; còn chữ nào tương-tự với tiếng ta, thì cứ xin đánh dấu vào một bên để đọc theo quốc-âm. Lại xin đem những chữ đó chia ra từng loại, đặt một quyển tự-vị ban khắp các nha-môn và các học-đường, để người ta học tập được tiện lợi. Bất-kỳ người nào hễ viết một tờ giấy việc quan hay là việc riêng, cũng phải theo thứ chữ của nhà nước đã ban-bố, chứ không được thay đổi... Ta chỉ dùng chữ Hán mà đọc ra tiếng ta, không cần phải học nghĩa, thế là Hán-tự vẫn còn, có hại gì đâu ! Thí-dụ hai chữ « thực phạn » thì cứ đọc là « ăn cơm », hay là viết cả hai chữ nôm « ăn cơm », để thay hai chữ « thực-phạn », như vậy không có lẽ gì cho « thực phạn » là quý hơn « ăn cơm »... Nếu ta đem chữ Hán mà đọc ra tiếng ta, thì một người đọc ra, mọi người có thể hiểu được, chắc là sẽ bớt được những sự phiền-phức vô số.

Tôi đã tính phỏng các tiếng quốc-âm ta, cả thấy là hơn một vạn, mà chỉ có trong ba trăm chữ không viết theo chữ Hán được ; những chữ ấy thì nên dùng dấu đánh vào bên những chữ Hán mà đọc ; còn những tiếng khác thì viết theo chữ Hán mà đọc theo quốc-âm được cả.

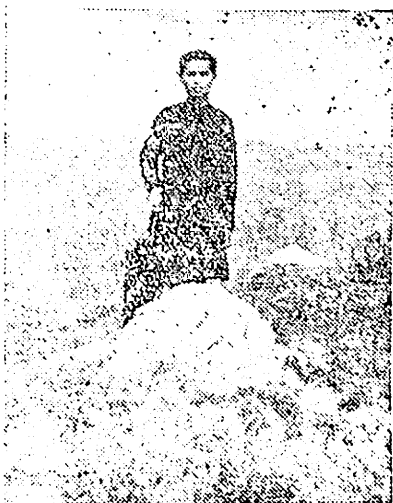
Việc cải cách này có thể có một ảnh hưởng sâu xa đến nền học thuật nước nhà. Vì chính nước Nhật cũng phải mượn chữ Tàu, mà đọc theo tiếng của họ.

Nhưng có một điều ta hơi ngạc nhiên là : hồi ấy, lối chữ quốc-ngữ hiện nay ta dùng đã có các nhà truyền-giáo Bồ-đào - nha và Pháp đặt ra rồi. Không hiểu vì có gì ông không xin lấy chữ ấy thay vào chữ Hán, mà lại xin lấy tự-mẫu của Tàu đặt ra một thứ chữ riêng ?

Chúng tôi đoán hẳn là vì mấy lẽ sau này :

1.) Có lẽ là tại lúc

đó từ vua đến dân, ai ai đều tôn-rộng chữ Hán, nhất-đán xin bỏ bút lông mà dùng bút sắt, thì chắc không ai nghe nào ; vả lại các quan Triều hồi bấy giờ toàn là những người nệ-cổ, nếu xin cải cách mạnh quá, tất không có kết-quả gì ;



Mộ Nguyễn Trường - Tô tiên-sinh, ở bãi Đá-Mài. Người đứng bên mộ là ông Nguyễn Trường-Võ, cháu đích-tôn của tiên sinh.

2) Hoặc tại lối chữ quốc-ngữ viết theo chữ La-tinh là của các giáo-sĩ đạo Gia-tô đặt ra, ông e rằng Triều-thần đã ghét đạo thì cũng chẳng ưa gì lối chữ của người bên đạo ;

3) Hoặc nữa ông thấy lối chữ quốc - ngữ ấy còn có chỗ bất tiện, là vì có nhiều chữ đồng âm dị nghĩa mà tự-dạng không khác nhau. Thi - dụ : *Minh* là sáng (minh bạch), *minh* là tối (u u minh minh), *minh* là thề (minh-thệ), *minh* là kêu (minh - oan), *minh* là ghi (minh-khắc), vân vân.... đều viết như nhau cả.

Dù sao, việc cải cách của ông đề-nghị vẫn là một vấn-đề cần thiết cho nền học-vấn nước nhà. Tiếc thay Triều-đình không để ý đến lời ông nói, đến nỗi hiện nay sắc, chiếu, từ, trát vẫn còn dùng đến chữ Hán như xưa.

Bao giờ từ thượng-lưu đến dân gian ai nấy đều yêu chuộng quốc-văn, trau giồi quốc-ngữ, thì cái hoài-bảo của ông Nguyễn Trường - Tộ mới được toại-thành.

V. — Nguyễn Trường-Tộ

với

VIỆC CẢI - LƯƠNG PHONG - TỤC

Một nước sở-dĩ văn-minh không phải chỉ là nhờ ở kiến-văn của một dùm người học-thức, mà còn nhờ ở thuần-phong, mỹ-tục của cả quốc-dân. Phong-tục đồi-bại, dân-gian tất gian-tham, vô-hạnh ; dù có người sáng suốt muốn dẫn đường chỉ lối cho họ cũng khó-khăn lắm. Vậy muốn cho dân mạnh bước trên con đường văn-minh, việc cần-kip là phải cải-lương phong-tục.

Người mình vốn có nhiều tệ-tập lưu-truyền. Ông Nguyễn Trường-Tộ đã nhìn rõ và muốn tìm phương bỗ-cứu.

Trước hết ông nhận thấy người nước ta có tính ích-kỷ, chỉ vụ lợi cho mình chứ không biết gì đến nhân, nghĩa : « nhiều người giàu có phong-

lưu, mà ăn mày đứng trước cửa kêu van nửa ngày không cho được một đồng kẽm, người làng có thiếu thuế đến vay một quan tiền cũng từ chối; thế mà đến chỗ ăn chơi thì đòi nghìn vàng lấy một trận cười, vào sòng bạc thì một tiếng mở có đến trăm vạn. Những hạng người lòng sắt dạ thú ấy nhiều lắm, không sao kể xiết được (1) ».

Ông lại nghiệm thấy người mình biếng nhác, chỉ ưa an-nhàn vô-sự : bọn học-thức thì suốt ngày ngâm nga chè chén, tìm lạc-thú trong câu văn hay, trong chén rượu nồng, còn việc nước việc đời để cả ngoài tai, mà lại dám tự-phụ là thần-tiên, là nho-nhã. Bọn thường dân thì đồ xô nhau vào chốn bạc bài nghiện-ngập, vào nơi xướng-ca, dĩ-thỏa, chỉ muốn ăn dưng ngồi rồi mà tận-hưởng những thú dẽ-tiền. Họ không biết rằng : « những người chỉ biết ăn chơi, không dính-dáng gì vào khoảng trời đất, tức là những người ở ngoài vòng tạo-hóa, vậy biết gọi là hạng người gì ? Chính những người ngu-dại, diếc mù mà nhà binh còn dùng được vào công-việc, hưởng-chi những người lành đã chịu trời đất phú-linh cho làm người, đã ở trong vòng trời thanh bóng tỏ, đã sống trong quyền-phép phong-tục, mà nhất-thiết

(1) Tế-cấp bát điều, điều thứ ba.

việc dân việc nước đều không nhúng tay đến, không giúp sức vào thì sao cho trọn phận - sự của con người, sao báo-đáp được quốc-ân (1) ».

Sống một cuộc đời nhàn rỗi, bọn người ấy lại gieo vào đám ngu-dần những mối dị - đoan làm cho tinh-thần người ta thêm rối - loạn, tri-não người ta thêm mờ-ám.

Tục-lệ các làng thô - lậu, nên bọn cường-hào lại càng dễ nạt-nộ dân em, vì họ chỉ là một bọn gà què ăn quần cối xay, hễ thấy bở là họ đục-khoét, hễ thấy lợi là họ chăm - mút, chứ không nghĩ gì đến ích-quốc lợi-dân. Thi-dụ như việc mở-mang nông-chính : ông Nguyễn Trường-Tộ thấy nhiều nơi chỉ đắp một con đê nhỏ là cây cấy được, mà người ta bỏ hoang. Hỏi tại sao, thì « người trả lời : đắp đê động địa-mạch, e hương - hào, hương-lão mang bệnh ; kẻ thì nói : đắp lại, bịt mất dòng nước chảy của làng trên, không khỏi họ kiện cáo ; người lại nói : đắp thế động đến các tổ-mộ của các quan trong làng, hoặc các quan ở làng bên cạnh (2) ».

Ông Nguyễn Trường-Tộ lấy làm đau đớn mà nhìn thấy trong dân - gian những mối tệ-đoan

1) Tế-cấp bát điều, điều thứ hai.

2) Tế cấp bát điều, điều thứ tư.

như thế. Cho nên ông yêu - cầu Triều-đình cải-lương phong - tục, nhưng ông không xin nhà vua ban ra những điều huấn-dụ khô-khan như dưới triều Lê Thánh-tôn hoặc triều Minh mệnh ; ông xin sửa đổi phong-tục bằng những phương-pháp thiết-thực hơn :

Đối với bọn phú - hào ích-kỷ, ông xin nhà nước đánh thuế nặng vào các nhà giàu : « nhân-dân dùng tiền-tài để sinh ra tội - lỗi, cũng y như bọn trẻ con mùa grom đến nổi bị thương ở cổ họng ; vậy cướp cái grom ấy đi, có gì là không đáng ! » Ông lại xin đánh thuế các xa-xỉ phẩm như tơ lụa của Tàu : « các hàng Tàu, nếu vật-giá là mười quan, thì xin đánh thêm năm quan, vì đã có tiền mặc áo tốt, thì phải nộp thêm ít nhiều về việc quốc - dụng » ; như chè Tàu : « những người uống chè Tàu toàn là những người phú-quí, phong-lưu, ở nước ta vẫn có chè Nam uống vào cũng giải khát và mát-mẻ, thế mà họ có thừa tiền làm ra bộ phong-lưu hư-phí, đã mất thì giờ lại hại công việc - nếu cứ để cho họ hoang-phí vô-ích, đã hao-tồn tinh - thần lại còn làm giàu cho người Trung, hoa, chi bằng thu vào quốc-khố cho nhiều, để gìn-giữ sản-nghiệp cho họ ; vả chăng họ đã thiếu mất nghĩa-vụ, thì nhà nước nên ép họ trả thuế ;

để đặt một cái nghĩa-vụ cho họ, cũng là một lẽ nên làm ».

Muốn trừ bớt bọn người nhàn-cư vùi thân vào những nơi xấu-xa hư - hỏng, ông xin nhà nước đánh thuế thật nặng vào :

Cờ-bạc : « Bất-cứ ở đâu hoặc lúc nào, hễ có người ưng đánh bạc thì xin đặt ra từng sòng ; mỗi sòng phải nộp hàng năm một nghìn, hoặc hai, hoặc ba nghìn' quan, tùy theo từng hạng. Nếu có ai đi đánh riêng chỗ khác, thì cứ cho chủ đã chịu thuế hoặc người khác bắt mà giải nộp, sẽ có tiền thưởng, rồi lại tịch - biên gia-sản của những người đánh bạc đó, lấy một nửa sung công, vì những người đánh bạc quên hết cha mẹ, vợ con, chỉ chăm vào một bề đồ-bác, đem hết gia - tài giao cho mấy người đánh bạc, vậy thì chẳng thà lấy tiền của họ thu vào quốc-khố, để giúp các người bà con làng xóm của họ, chẳng hơn vất ra cho bọn côn - quang du-thủ du-thực hay sao ?

Rượu : « Rượu không thể uống no bụng được, lại hao-tồn lúa gạo rất nhiều, chính là một điều hại lớn. Ở Âu - Tây cấm rượu rất nghiêm mà cũng không được, nên chỉ nhờ cách đánh thuế nặng, người ta mới chịu chừa bớt dấy thôi. Nay xin đánh thuế các lò rượu ở hương-thôn,

mỗi năm một trăm quan, ở thành-thị mỗi năm ba, bốn, năm trăm quan, tùy theo từng hạng ; như thế chắc giá rượu tất phải cao lên, mà người uống rượu sẽ phải bớt dần ».

Thuốc lá : « Hút thuốc lá không ích-lợi gì cho sự dưỡng-sinh, mà tích tiểu thành đại, tổn-hại rất nhiều, chẳng qua là người ta làm bộ phong-lưu đẩy thôi. Nay xin định cho mỗi chợ chỉ được một hàng bán thuốc lá mà thôi, ngoài ra ai muốn bán đều phải mua lại của nhà hàng ấy ; mỗi năm xin đánh thuế nhà hàng chính một trăm hay là năm chục quan ».

Thuốc phiện : « Còn nha-phiến xin đánh thuế nặng gấp năm sáu lúc trước, kẻ sợ nó lan rộng ra, sinh đại-hại cho nhân-dân. Nếu trong quan-lại, có người nghiện-ngập, thì xin bắt phải chữa đi đã, rồi mới bỏ dung. »

Ông xin đánh thuế cả các cuộc du-hí : « Ai lập ra một cuộc ca-xướng phải chịu mỗi ngày mười quan trở xuống ; còn những người trong phường trò cũng phải chịu thuế đồng-niên là năm mười quan, nhà nước sẽ cấp bằng cho để đi làm trò suốt đời ».

Đến các tệ-tục ở hương-thôn, ông Nguyễn Trường-Tộ xin nhà nước thẳng tay cấm tiệt, để

bọn cường-hào không có dịp cá lớn nuốt cá bé nữa.

Ông lại lưu-tâm đến việc cải-thiện bọn côn-quang, vô-lại. Theo ý ông, bọn ấy ở hàng xóm không những làm khổ lương-dân mà lại còn là một gương xấu cho người khác bắt chước. Chi bằng bắt hết bọn ấy đưa lên các chỗ rừng núi xa xôi để chặt cây mở đường, khai khẩn đất ruộng, đến khi nào công cuộc thành-hiệu sẽ cho họ hưởng quyền-lợi (1) ; như thế đã trừ được cho các thôn xã bọn sâu-mọt, lại còn khiến cho những người lêu lổng có cách mà cải-tà quy-chính nữa. Ở điều thứ bảy trong tế-cấp bát điều, ông có kể rõ hai mươi sự ích-lợi về việc ấy.

Ông lại muốn nhà nước bắt bọn du-dăng học nghề, bọn tù-phạm tập-luyện gân cốt, chứ đừng để họ ngồi không : « vi ngồi không chính là cỗi rễ của vạn điều tội ác (2).

Xét qua những điều cải-cách trên đây, ta thấy những phương-pháp của ông Nguyễn

1) Trong một bài sau, sẽ nói kỹ đến vấn-đề di-dân theo ý Nguyễn tiên sinh.

2) Tế cấp bát điều, điều thứ bảy.

Trương-Tộ đề-nghị, tuy không được thập phần hoàn-hảo, nhưng cũng đủ tỏ tấm lòng ưu-thời tha thiết của ông.

Hiện nay, những lời vàng ngọc của ông vẫn còn lâm-li trên tập điều-trần.

•••

VI.— Nguyễn Trường - Tộ

với

VIỆC XÃ - HỘI CỨU - TẾ

Xét trong sử, ngay từ trước thời đại ông Nguyễn Trường-Tộ, Triều-đình đã chăm nom đến công-việc cứu - tế: đời Gia-long, đã có những sở dưỡng - tế để nuôi nấng thuốc thang cho những kẻ tàn - tật khốn khổ; có lệ tuất cô-cùng để cấp-cứu những kẻ lữ hành đau ốm; lệ chẩn-tai - thương để giúp những người bị tai nạn; lệ vũ-phong-nạn để cấp tiền cho những người bị đắm tàu, đắm thuyền. Đời Minh - mệnh, lại đặt lệ cấp-tuất để phát thuốc cho dân những khi có bệnh thời-khí; lệ khuyến - quỳn - nạp để cho dân nghèo vay tiền vay thóc mà làm mùa; lại lập những quỹ cứu - tế, để chôn cất những kẻ chết đường chết chợ và cứu giúp những thuyền bè trôi giạt. Đến đời Tự - đức cũng có chiếu-du về việc cứu-tế.

Nhưng thực ra, những công việc ấy chỉ có ở trên giấy tờ, chứ ít người chăm chú đến. Chính ông Nguyễn Trường-Tộ đã viết : « Những người thừa-hành không làm hết bổn - phận, nên chỉ có tiếng mà không có sự thực, khiến những kẻ khốn-cùng không hưởng hết được cái ân - huệ của Triều-đình (1) ».

Còn những người sung-túc trong nước thì phần nhiều ích kỷ, hay là có một quan-niệm kỳ-quặc về việc thiện. Họ chỉ biết « mở hội, làm chay, hát tuồng, cúng thánh, đắp tượng Phật, dựng thần-vị, đúc chuông làm chùa, xây đình, đắp mộ, lập hội tư-văn... Ngoài ra, giữa đường có người chết đói, xin một giọt cháo cũng không cho, bên xóm có đừa mồ côi, khóc vang làng cũng không ai thềm ngó tới ? Như thế mà gọi là người chân-tâm, hiếu-thiện sao được ? » (1)

Vì thế ông Nguyễn Trường-Tộ cho việc cứu-tế là một trong những việc khẩn cấp mà Triều-đình nên lưu-tâm đến : « Xưa kia vua Văn-vương làm nhân-chính, trước hết chu-cấp cho kẻ cô độc, vua Nghiêu yêu người thì yêu kẻ bần-cùng đầu tiên » (1).

1. «Tế-cấp bát điều», điều thứ tám.

Ông chia việc cứu - tế ra làm hai phần : thứ nhất là nuôi trẻ mồ-côi, thứ hai là cứu người cơ - khổ.

Về việc nuôi trẻ, ông cũng biết là khó-khăn vì muốn lập một nhà dục - anh, phải lựa được những người bảo-mẫu tận-tâm với bọn hài-nhi. Theo ý ông : « Chỉ có những người đàn-bà Tây đã từng đem thân vào ở trong các nhà tu mới nuôi trẻ có hiệu - quả được ... Họ làm thay mẹ cho lũ trẻ thơ ; bất-luận là con ai, họ đều nuôi cho, dạy cho, cả trai lẫn gái, đều phải học tập... Họ yêu nuôi bọn cô-nhi chẳng khác chi con của họ sinh ra... Những hạng đàn-bà Tây đó, đều là những người giữ lòng trinh, không lấy chồng, cho nên họ mới chịu được những cái dơ-bẩn như một người mẹ ». Cho nên ông mong nhà-nước triệu-tập các ông linh-mục người Tây lại, nhờ các ông ấy trông nom các nhà dục anh, để có các bà tu giúp-đỡ thì công việc mới có thể hoàn-hảo được : « Nay nhà - nước nên cho phép mỗi tỉnh lập ra một viện dục-anh, giao cho một ông giám - mục quản-cố, còn tôi, tôi xin sắp đặt làm các nhà Dục - anh, như thế sẽ ích-lợi cho trẻ-con nhiều lắm » (1)

(1) Điều-trần về việc học tập, ngày 23 tháng bảy năm Tự-đức thứ 19.

Ông lại xin Triều - đình « cho phép các giáo-hội Tây-phương cứ tới nước mình mà lập hội cứu - tế », vì « nhà nước bỏ đi một người tức là bỏ đi một phần - tử trong nước ; nếu nay biết cách giáo-dục người ta, cho được toàn-sinh-mệnh và thành nết tốt, chẳng hơn xây cái tháp phù-đồ chín tầng hay sao ! »

Về việc cứu-giúp người nghèo khổ, ông khuyên nhà - nước nên theo gương nước Anh, vì ở nước ấy đã có định-luật rằng : « phạm trong một làng có người nào nghèo đói không thể sống được, thì những nhà khá-giả trong làng phải giúp-đỡ nuôi nấng. Mỗi năm những nhà giàu nuôi kẻ khó ít nữa cũng hết mỗi người năm trăm quar, trừ những người hảo tâm bố-thí rất nhiều thì không kể... Họ lại còn lập những nhà dạy trẻ không lấy tiền, nhà tiếp khách bộ-hành, nhà nuôi bọn gái hư muốn ăn năn cải-quá, nhà nuôi người già yếu, nhà nuôi người bệnh-hoạn, nhà nuôi hài nhi, nhà nuôi người tàn-tật, bao nhiêu thiện-chính đó là nơi nào cũng có cả, họ làm được như vậy, chẳng những tại kẻ dưới biết bắt chước nhau, bỏ bớt sự lãng-phí để làm việc nghĩa, mà chính là vì nhà-nước khéo làm tiêu-biểu để khuyến-độc dân-gian ».

Nhưng ông không muốn nhà-nước nuôi không những người nghèo-khổ: « Người nào có sức mạnh thì dạy việc cày cấy và tập-nghệ, còn những người tàn tật cũng cho công việc, chứ không được ngồi không; phải dạy họ làm các đồ vật để bán lấy lãi thêm vào các phí-khoản trong viện.

Ông lại mong Triều-đình bắt chước các nước Âu - Tây cấm ăn mày: « Nếu không có duyên cớ gì mà đi hành - khất ở dọc đường, thì cho là người gian-tệ trốn tránh. Bất cứ chỗ nào, nếu họ gặp hạng người ấy là họ cũng bắt và giải đi làm việc. Cho nên các người nghèo khổ đều có nơi ăn làm, mà tụi gian-đồ cũng khó lòng ăn-núp được. Sự này người nước ta lẽ nào lại không làm nổi? »

Muốn có tiền để chi vào các việc thiện, ông muốn ta theo gương các nước Âu-Tây, lập ra ở các nơi công-hội một cái công-quỹ « Nếu ai muốn làm phúc thì tùy chỗ cận-tiện, đem tiền bỏ vào quỹ ấy; cứ mỗi ngày mở quỹ ra xem, rồi đem chia ra các sở ».

Ông còn muốn tập cho các trẻ nhỏ biết làm phúc nữa; Ở Âu - Tây, những món tiền nuôi nhi-đồng phần nhiều do các trẻ em giúp cả. Mỗi khi các đồng-nam đồng-nữ tới trường,

thầy giáo thường khuyên dạy rằng : » Trong thiên-hạ có những đứa trẻ đói khổ, không ai nuôi nấng, chúng nó với các em cũng là bạn lứa mà các em thời nhờ cha mẹ có cơm no áo ấm, lại có tiền mua bánh và đồ chơi vô ích, sao không chia ra một ít để chu-cấp cho những trẻ đói rét ngặt ngoài đó ? » Học-sinh nghe thế, phải quăng tiền vào thùng để giúp cho bọn ấy. Cứ mỗi trường học, mỗi tháng được đến hai ba trăm quan. Xem thế đủ biết cái phép giúp người làm phúc của họ rất hay. Người nước ta lẽ nào không có người hảo-tâm, chỉ vì là chưa có ai khai-đoan đó mà thôi ».

Ngày nay việc cứu-tế đã « khai-đoan rồi : các viện tế-sinh, tế-bần, lạc-thiện đã thấy lác-đác ở các tỉnh thành lớn. Nhưng thực ra, đến bây giờ việc xã-hội cứu-tế và nhân dân tương-tế vẫn chưa hẳn được như ý-nguyện của ông Nguyễn Trường-Tộ.

VII.— Nguyễn Trường-Tộ VỚI VẤN-ĐỀ SINH-TÀI

Tiền-tài là huyết-mạch của một nước cũng như của một nhà. Muốn cho nước cường, dân mạnh, trước hết phải lo đến vấn-đề sinh tài. Vì thế ông Nguyễn Trường-Tộ lưu-tâm đến việc ấy hơn cả. Ông viết : « Tiền của mà nhiều, lương-thực sẽ đủ, khí-giói sẽ tinh, thành-tri sẽ bền, của kho sẽ thừa thãi ; bao nhiêu sự lợi đều tiến lần lần, bao nhiêu sự hại đều giảm bớt đi. Khi gặp sự đại-biến, chỉ lấy trong kho ra mà dùng, khỏi phiền-nhiều đến dân, ích-lợi kẻ không xiết được » (1).

1) Điều-trần về Lục-lợi : tháng 5 năm Tự-đức thứ 17 (1864).

Vả lại muốn dạy dân nhân, nghĩa, lễ, tri, tín phải lo cho họ cơm no áo ấm đã. « Gặp cơn đói khổ cứu khỏi chết còn chưa kịp, còn nói gì đến lễ-nghĩa. Cho nên xưa kia thầy Mạnh nói điều nhân, thường phải, dựa vào « bǎng sản », đức Khổng nói điều tin cũng cho ấm no đã. Xét đến chân-lý thì thâm - ý của hai bậc thánh - hiền đều cho sự giàu có đứng trước sự giáo-hóa » (1).

Nhưng muốn giàu thì phải dùng phương-pháp gì? Theo ý ông, dân có giàu nước mới thực giàu. Vậy làm giàu chỉ là nhân cái lợi tự-nhiên của trời đất rồi mở mang ra, nghĩa là nhà nước phải tìm cách khuếch-trương canh-nông, kỹ-nghệ và thương-mại.

Về canh-nông, ông đặt ra một chương-trình rất chu-đáo xin nói riêng ở mục sau.

Về kỹ - nghệ, ông nghiệm thấy ở nước ta còn kém sút quá. Chỉ vì người mình vẫn có cái thành kiến cho nghề làm thợ là một nghề hèn, cho nên cùng lắm người ta mới chịu học công-nghệ. Thành-kiến đó phần nhiều do ở phái nhà nho mà ra. Ông buồn rầu nhận thấy rằng các nhà nho học sách mà không

1) Điều-trần về việc học tập : ngày 23 tháng 7 năm Tự-đức thứ 19 (1866).

hiểu nghĩa sách, vì theo kinh, sử thì các bậc đại-thánh cũng rất trọng thực - dụng chứ không chuyên về văn - chương : Như các vua Phục-Hi, Thần-Nông, Hoàng - đế bày ra đồ khí-dụng, vua Nghiêu vua Thuấn bày ra trăm nghề và chỉnh-dốn sáu kho. Thế mà người minh thì chỉ đồ xô vào từ-chương thi-phú mà thôi.

Bởi thế, muốn mở mang kỹ-nghệ trong nước, trước hết ông mong Triều-đình tỏ cho dân biết rằng nhà nước không những chỉ trọng-đãi hạng học - trò mà còn qui cả mọi nghề. Bất cứ làm nghề gì mà có tài cũng được nhà nước khuyến-khích, tưởng lệ, như thế mọi người mới đua nhau học nghề để theo sở-đặc của mình và làm giàu cho nước.

Nhưng học nghề cần phải có trường, có thầy, có sách. Trong tờ điều - trần ngày 12 tháng 2 năm Tự-đức thứ 21, ông có bàn đến cách tổ-chức một trường kỹ - nghệ và việc mượn thầy ngoại-quốc dạy học - trò. Còn sách thì ông xin « tìm trong sách nho có những chỗ nào nói về cơ-xảo, dù một câu một chữ cũng lấy cho hết mà đính - chính lại và lựa các sách Tây nói về các việc nhật-dụng thường - hành rồi gộp nhất mà biên-dịch ra (1) ».

(1) Tế-cấp bát điều 二 điều thứ tư khoản, thứ-ba.

Nhân lúc bây giờ nhà nước sắp cho phái-bộ qua Pháp về việc ba tỉnh phía Đông, ông khuyên nên cho mua những thứ máy móc « rẻ tiền và có thể đem về làm kiểu mẫu được » (1).

Vả lại khi ông còn ở Pháp, ông có đi xem cẩn-thận nhiều nhà máy, ông có mua mấy quyển sách dày và ông có trực-tiếp giao-thiệp với một người chủ xưởng làm đồ sắt, con một người có thế-lực ở Thử-dân nghị-viện. « Chúng tôi trọ tại nhà công-tử ấy đúng một tuần lễ, đã tỏ cho y biết rằng : Nước ta rất muốn chung sự ích-lợi với nước Pháp, y nghe lời lấy làm thích lắm. Tôi lại nói với y rằng : « Đợi khi về nước, tôi sẽ đem những công cuộc trong xưởng của ông mà tâu với Triều-đình, để có cầu mua món gì thì nhờ ông bán cho như khi bán cho Nhật-bản và Xiêm-la ; hoặc có dịp tiện thì lại nhờ ông gửi vài người qua nước Nam để lập những lò sắt y như các lò xưởng của ông. Nhưng việc này tôi còn bầm với Triều - đình, mau chậm chưa biết được ». Nghe thế y bằng lòng đảm-nhận lấy cả, nếu Triều-đình ưng-thuận như lời tôi nói với y » (2).

Cái hoài-bảo lớn-lao của ông Nguyễn Trường-Tộ rút cục không được Triều - đình lưu - tâm

(1) Điều-trần ngày 27 tháng sáu năm Tự-đức thứ 19 (1866)

(2) Điều-trần ngày 23 tháng 2 năm Tự-đức thứ 21 (1868).

đến, mà bao nhiêu công lo liệu của ông về việc mở mang kỹ-nghệ cũng chỉ là công uổng mà thôi.

Về thương-mại ông cũng có những ý-lưỡng rành-mạch và rộng-rãi. Ở thời ông, việc buôn bán trong nước ta còn thô-sơ quá : ngoài những người dân bà buôn thúng bán mẹt, quanh-quần ở những quán chợ lup - sụp, sự giao-dịch trong nước đều ngưng-trệ, bế-tắc ; còn nói gì đến cuộc thông-thương với ngoại-quốc !

Trước hết, ông nghĩ đến việc giao - thông trong nước : Hồi ấy chưa có xe lửa, việc vận-tải tất-nhiên phải theo đường thủy. Thế mà từ Kinh-dô ra Bắc-hà chỉ có thể đi đường bẻ được thôi, chứ không có một con sông đào nào nối liền các tỉnh trong nội-địa. Thành thử thuyền bè đi lại một là bị đắm chìm vì những cơn giông-tổ, hai là bị giặc tàu-ô cướp bóc hãm hại. Cho nên ông xin tự đứng trông nom công việc đào một con sông lớn từ Hải - dương đến Kinh-thành Thuận-hóa. Ông cam-đoan làm việc ấy được trọn vẹn vì ông đã xét kỹ-càng địa - thế mọi nơi và đã học cách đào sông. (Chính nhờ có ông giúp mà ông tổng-đốc An-Tĩnh Hoàng Tá-Viêm mới có thể đào xong cái kênh Sắt ở Nghệ an năm Tự-đức thứ 19 (1866). Cái kênh ấy nghe nói Cao-Biên đã phải bỏ dở mà nhà Hồ cũng đã chịu khoan

tay, ấy thế mà khi nhận được thư của ông Hoàng Tá-Viêm khẩn - khoản nhờ ông chỉ bảo, ông đứng trông nom có ít lâu, công việc hoàn-thành một cách mỹ-mãn).

Ông rất tin ở tài-nghệ của ông, nên ông nói : « Làm cho đúng cách thì núi cũng đào được ! » Ông lại xin năn lại cho thẳng những khúc sông cong-queo để tiện việc chở hàng.

Trên những con sông ấy, muốn có thuyền vận-tải, ông nhận tự chế ra mẫu thuyền theo cách-thức ở Âu - Tây, thuyền bé mà chở được nhiều.

Ở hai bên bờ sông, ông xin cho đắp đường « bắt bò và ngựa vận - tải để giảm bớt sức người » (1).

Đây là việc giao-thông trong nước. Còn về việc thông-thương với nước ngoài, ông có trình bày rõ ràng cách thức mua hỏa-thuyền để đem hàng bán ra hải-ngoại :

« Cứ tính chung hỏa - thuyền của các nước, thân tàu rất tốt và giá rất rẻ, thì chỉ ở nước Hoa-kỳ, nhưng xưởng đóng tàu nhiều nhất thì ở nước Anh. Hỏa-thuyền của nước Pháp một

1. Khoản thứ ba trong ba khoản phụ vào « Tế-cấp bát điều ».

nửa mua ở nước ấy. Các nước ở Âu-Tây cũng nhiều nước mua ở đó. Nếu ta muốn mua tàu, tất nhiên cũng phải theo họ. Lại phải chọn người đã hơi biết các thứ máy móc, lựa được thứ nào tốt xấu, chứ cứ tin theo lời nói của nhà buôn thì e có tệ-hại mà ta không rõ. Tôi trộm nghĩ hiện nay người Nam ta hơi biết máy móc, biết sức mạnh của hơi nước và biết các lẽ sửa sang, e không có ai hơn tôi được » (1).

Không những ông muốn nhà nước mua tàu, lại còn muốn lập xưởng đóng tàu ngay ở trong nước nữa : « Lúc đầu mới làm chưa chắc được tinh - xảo, trước vụng sau khéo, trước thô sau tinh, lâu ngày rồi cũng có thể thông hiểu cái nguyên-lý. Họ là người bậc nào ? Lúc đầu chẳng qua cũng như ta đó thôi ! Cốt sao có kbi-cu làm khuôn mẫu, rồi nhân đó mà cải cách ra, làm những thứ cơ xảo khác ».

Cơ-quan giao - thông đã có đủ rồi thì việc buôn bán với nước ngoài có thể một ngày một bành-trướng.

Nước ta vẫn có nhiều hải-lợi, lâm-lợi, thổ-lợi, khoáng-lợi, đem bán ra ngoài - quốc chắc

(1) Điều trần về việc mua hỏa - thuyền . (ngày tháng không rõ).

được nhiều lãi : « như đồng và thiếc ở Bắc-kỳ vốn chỉ có một quan, mà đem bán cho người ngoài thì đến tám quan. Ngoài ra những tơ, gai, cá, muối cũng được lợi như vậy ».

Ông nghĩ cả đến việc đem tơ Vân-nam ra bán ở nước ngoài nữa, khác nào kiểu thông-quá giao-dịch ngày nay !

Về việc nhập-cảng, ông mong nhà nước theo phương-pháp bảo-hộ mậu-dịch, để bênh vực cho các sản-vật trong nước : « Ở Âu-Tây phạm những hàng-hóa ngoại-quốc, bất-luận hàng gì đều tùy theo giá đắt rẻ mà đánh thuế gấp đôi các hàng-hóa trong nước. Đến những xa xỉ-phẩm không quan-thiết đến sinh-mệnh của dân-gian thì họ đánh thuế gấp bội lên (1).

Muốn việc buôn bán được phát-đạt, ông xin Triều-đình hậu-thưởng « những người thương-hộ nào biết hợp-cổ đi buôn mà tiền vốn được trên trăm vạn ».

Những điều đề-nghị của ông về vấn-đề sinh-tải, nếu được lọt tai nhà cầm quyền từ ngày ấy, thì mỗi ngày một mở mang thêm, dân ta đâu đến nỗi còn nghèo !

(1) Tế-cấp bát điều, điều thứ ba.

VIII.—*Nguyễn Trường-Tộ*

với

VIỆC NÔNG-CHÍNH

Nước ta là một nước từ xưa vẫn lấy nghề nông làm gốc; đại-đa-số quốc-dân chỉ trông vào nghề làm ruộng mà sống hàng ngày. Ấy thế mà phương-pháp canh-tác còn thô-sơ, chất-phác lắm; nông-khi thì đơn-giản; cày bừa chỉ hờn hợt trên mặt đất mà thôi; công việc trồng trọt thì nặng nề; cả một gia đình người nông-phu suốt năm cặm-cui trên thửa ruộng... Thịnh-thoảng những nạn hạn-hán, thủy-lạo lại tiến đến...

Theo ý ông Nguyễn Trường-Tộ, những mối tệ-hại ấy sinh ra bởi sự ngu dốt của dân, mà cũng bởi những sự khuyết-diểm trong chính-sách canh-nông của Triều-đình nữa.

Người mình làm ruộng chỉ biết theo cổ - tục, cha truyền con nối, chứ nào ai dạy dỗ, chỉ bảo cho biết các phương pháp thuận-tiện bao giờ ? Đã thế lại hay tin dị đoan ; nhiều khi biết lợi trước mắt cũng không làm ; chỉ vì sợ động âm-phần, chàm long-mạch mà chẳng dám bồi đắp ruộng đất, để đến nỗi nhiều nơi bỏ thành hoang-địa (1).

Vậy muốn mở mang nông-chính, trước hết phải dạy cho dân hiểu rõ nghề của họ.

Vì thế ông xin Triều - đình cho soạn những sách nông - chính để phát cho dân - gian : « Nền thông sức cho cả nước xem có ai tìm được cách làm ruộng thế nào cho hợp với thổ - nghi, ai biết được thời tiết sớm muộn thế nào, các thứ lúa nên trồng thế nào, các giống vật nên nuôi thế nào, mỗi việc đều trình rõ để đem về Bộ, rồi sẽ đem so-sánh với sách « Nông-chính toàn-thư », mà soạn ra một quyển sách khác... Muốn soạn ra được thứ sách ấy thì công-phu rất là khó-nhọc, tất phải chọn được người nào biết quan - sát địa thế và có tài chuyên bát, mới làm được.

Chứ những người chỉ có tài văn chương giỏi về lối khai, thừa, chuyển, hợp, giỏi về các dấu

(1) Lễ cấp bát điều, điều thứ tư.

binh, thương, khú, nhập, thì chính họ làm no-
ấm mình họ còn chưa xong, huống chi làm no-
ấm cho người khác ».

Nhưng soạn sách cũng chưa đủ, vì có sách
mà không người chỉ-dẫn thì cũng vô-ích. Cho
nên ông Nguyễn Trường-Tộ xin Triều-dinh lập
ra ngạch nông-quan. Tuy ở nước ta ngay từ đời
Lê Thánh-tôn đã có đặt ra chức khuyến-nông,
nhưng thực ra chính quan cũng không hiểu gì
đến việc làm ruộng, thì biết giảng dạy gì cho
dân : « Ở nước ta việc đặt ra nông-sứ bỏ đã lâu
ngày không giảng-cứu đến, nay thốt-nhiên đem
ra thi-hành, trên quan thì nói rằng không biết
lấy gì mà dạy dân ; còn dưới dân thì nói rằng :
hễ mặt trời mọc ra đi làm ; chờ mưa xuống,
bắt đầu cày, cần chi dạy-dỗ (1). »

Bởi thế, trước khi bỏ các nông - quan, phải
cần bắt họ học về nghề làm ruộng đã. Theo ý
ông nhà-nước nên chọn các tú-tài cử-nhân có
tư-cách, rồi bắt học khoa canh-nông và những
khoa phụ-thuộc như thiên-văn, địa-chất. Họ cần
phải hiểu thời-tiết, phương-hướng, địa - thế, các
màu đất, các giống cây ; lại cần hiểu giống nào

(1) Điều-trần về việc sinh tài và khẩn-hoang : ngày
28 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24 (1871),

hợp với mùa nào, bương nào, đất nào. Khi họ học đã thành tài, nhà nước sẽ đặt một kỳ thi để lựa chọn. « Những người thi đỗ về khoa nông-học, thì được bổ đi mỗi huyện một viên. Việc làm của viên ấy là phải trông coi các đồng ruộng... rồi sức cho lý-trưởng truyền với chủ ruộng biết rằng ruộng của họ cần phải làm vào ngày nào, gieo giống lúa gì, gieo thưa hay gieo dày, cày mấy lần, làm cỏ mấy lần, khi nào bừa, khi nào tát nước, việc gì cũng phải theo phép quan mà làm... Phàm các tệ ở dân-gian phải chỉnh - đốn lại : ngày nào cũng phải tuần - hành để chỉ bảo cho người làm ruộng, như là một ông điền-chủ vậy . ông điền chủ gánh-vác việc nhà, phải lo làm giàu cho nhà, thì ông nông - quan trông nom trong huyện, phải lo làm giàu cho huyện ; vậy cũng phải siêng năng bôn-tàu mới được. Còn cách cư-xử của mấy ông nông-quan phải cho giản-dị như cách đời xưa và như cách những ông quan ở phương Tây, thì mới mong chạy được công việc » :

Đã có sách để dạy dân phương - pháp canh-tác, lại có quan để chỉ-dẫn cho dân, việc canh-nông hẳn là sẽ được mở-mang. Nhưng nhà-nước còn phải lo tránh cho dân những nạn hạn-bán và thủy-lạ. Vì thế ông Nguyễn Trường - Tộ có bàn kỹ-lưỡng về vấn-đề trị-thủy và dẫn-thủy nhập-điền.

Việc trị-thủy ở nước ta có đã từ lâu ; về thế-kỷ thứ chín, Cao-Biên đã cho đắp đê quanh thành Đại-la để giữ nước sông. Từ đời Trần Thái - tôn trở đi đến đời Lê đời Nguyễn, việc trị - thủy đều coi là việc hệ-trọng. Song theo ý ông Nguyễn Trùng-Tộ, đắp đê hai bên sông Nhĩ-hà không phải là đắc-sách, mà chỉ là bất-chước lối trị-thủy ở sông Hoàng-hà bên Tàu mà thôi. Nhưng địa-thế sông Hoàng-hà không giống địa-thế sông Nhĩ-hà. Vì thế, dù đê vẫn đắp mà dân-gian vẫn bị lụt. Ông nói : « Hồi còn nhỏ, tôi đã có đi chơi hai ba ngày trên con đường đê Nhĩ-hà ; tôi thường thấy mặt đê cao hơn ruộng đến ba trượng, còn phía trong đê, nơi theo hai bờ sông có nhiều đồng cát cao hơn ruộng phía ngoài đến một vài trượng, mỗi khi nước dâng lên trong đường đê, bề cao trông như hòn núi, thế thì dù đê có bằng đá chẳng nữa cũng chưa chắc ngăn nổi sức nước, huống-chi là bằng đất ! (1) ».

Vậy thì phải làm thế nào ?

Theo ý ông : « Những đê sẵn có không cần phá, chỉ nên theo địa-thế mà đào lấy vài chục con sông con, cho tiếp nhau với các cửa đê. Hai bên sông con, lại lấy đất đào trong đó mà đắp

(1) Tế-cấp bát điều, điều thứ sáu.

cho thành các đê con, cứ tiếp theo đê lớn mà đi xiên xuống mãi ; lại nên theo địa-thế, chỗ nào nước tràn vào mà không hại đến ruộng, thì mở ra cho nhiều đường rãnh, để tiện thuyền-bè qua lại theo việc cấy gặt, thâu được cái lợi cá tôm và để chứa nước như các hồ nhỏ (Đại-phàm con sông nào hai bên có nhiều hồ đầm, thì không có hại nước lụt, xem như sông Dương tử bên Tàu thì biết). Các con sông con, nên đào cho phía Bắc chảy về Hải-dương phía Nam chảy về Ninh-bình, chắc là nước không vào sông lớn như ở sông Hoàng-hà nữa. Vả chẳng nước ở trên cao mà chảy xuống thấp, chỉ có nước xuống chứ không có nước lên, lại nhân vì chất đất xốp bờ nước xói đào cũng dễ, chỉ độ vài năm là các sông con sẽ mở rộng ra, không sợ bị lấp tịt nữa ».

Về việc dân-thủy nhập-điền để tránh cho dân cái nạn hạn-hán thì ông cũng xin đào sông, mở lạch cho nhiều để dân-gian có thể đem nước vào ruộng. Chính ông nhận đứng lên trông nom công việc ấy, nếu Triều-đình tin cậy ở ông.

Khi các việc công-tác ấy đã tránh cho nhà nông những nạn hàng năm, thì mùa màng sẽ được chắc-chắn, dân-gian không đến nỗi đói khổ nheo-nhóc.

Còn ở chỗ nào, ruộng nương chưa được mở mang, ông bàn nên thi-hành chính-sách khai-hoang và di-dàn :

Ông xin Triều - đình đặt ra luật - lệ nhất-định để cho dân có thể khai - khẩn đất đai mà không bị đòi hỏi lồi - thôi. Chính mắt ông thấy ở làng Thanh - hải (phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an) « một khoảng đất chừng hai trăm mẫu vẫn bỏ hoang, chỉ làm ồ cho giống ốc, hến. Một người thấy thế, liền rủ bạn chung tiền bồi đắp chỗ ấy, tốn kém đến hai nghìn quan ; lúa cấy đã tốt lắm. Thế mà chỉ vì có kẻ phát-giác là tranh-chiếm nên người đã có công khẩn miếng đất ấy phải tức mình mà bỏ đi, khiến khoảng đất ấy lại là một cái ồ cho ốc, hến sinh nở ». Thực là đáng tiếc !

Ông khuyên nhà nước nên theo gương vua Thế-tổ nhà Minh mà xuống lệnh cho phép nhân - dân được tự-do khai-khẩn, chỉ khi nào đất đã « thành-diền » thì mới phải chịu thuế với nhà vua.

Ở những nơi xa-xôi, không có đủ nhân - công mà khai phá, thì ông xin Triều-đình bắt những bọn côn-đồ, tù-tội, cho họ đem cả gia-quyển lên những chỗ rừng xanh núi đỏ, để họ chặt cây mở đường, khai vỡ ruộng nương.

Khi công cuộc đã thành-hiệu, thì cho họ được hưởng quyền-lợi lâu dài. Như thế đã trừ hại cho lương - dân, mà còn mở đường nhân-nghĩa cho bọn du dân vô-lại nữa. Trong điều thứ bảy ở « Tể-cấp bát điều », ông có kể tuốt cả hai mươi điều lợi trong việc di-dân ấy.

Nhưng theo ý ông Nguyễn Trường-Tộ, khai hoang không phải là phá rừng. Ông lấy làm buồn mà nhận thấy rằng chung quanh làng ông bao nhiêu rừng đều bị dân ngu đem rìu búa đến đốn và có khi lại còn lấy lửa mà đốt cả một dãy núi nữa. Họ phá rừng như thế là vì họ không hiểu công dụng của cây trong việc điều-hòa thời-thiết. Ông lấy thí-dụ bên Mỹ bên Tàu và ngay ở tỉnh Nghệ-an chứng rằng cây cối có ảnh hưởng đến mưa gió và nạn thủy-lạ

Vì thế, ông xin nhà nước đặt giới-hạn cho các khu rừng cấm, để những người tham, người dốt không có thể phá tan « cái diệu-ý của Tạo-hóa đã sinh ra núi rừng là để làm cái đại-dụng cho nhân-loại (1) » .

Ông cho rằng chức-vụ của các nông - quan không phải chỉ là trông nom việc ruộng, mà

1) Tể-cấp bát điều, điều thứ bảy.

còn phải để ý đến việc trồng trọt cây cối nữa : « Ở các nhà vườn, sơn-phần, lâm-phần, phạm trồng cây gì dùng gỗ, cây gì ăn quả, phải y theo phép quan ; mà quan thì phải thân hành đến tận nơi, chỉ cho người ta biết chỗ nào nên trồng cây gì, vun, trồng, bồi, đắp thế nào ; khi cây đã tốt thì đến mùa thu phải đi xét lại một lượt, chỉ vẽ cây nào đáng cắt bứt cành nào, về hướng nào ; đến khi cây đã lớn, dùng được rồi hoặc bị sâu ăn thì sức cho đốn xuống, nhưng phải trồng ngay một cây nhỏ ở bên, chứ người chủ vườn không được lấy ý riêng mà làm tổn hại đến cây ».

Muốn khuyến-khích các nhà nông lành nghề, ông xin nhà nước khen thưởng : « người nào nghĩ được cách gì mới, như trồng mía mà tốt gấp hai mía thường, làm ra đường nhiều gấp hai thứ mía khác, thì nông-quan phải đến tận nơi nghiệm xét mà tư thưởng ; rồi bảo người ấy khai rõ những phép vun trồng thế nào, thông-sức cho mọi người biết để bắt chước mà trồng, như vậy thì tự-nhiên danh người ấy đồn khắp cả nước ».

Ông lại mong nhà nước đặt ra những cuộc đấu-xảo về canh-nông để cho dân quê biết rằng dù làm nghề chân lấm tay bùn mà khéo-léo hơn người, giỏi-giang hơn người, cũng được nhà vua chăm-chú đến.

Cả cái chương-trình rộng lớn về nông - chính ấy, ông xin Triều đình cho ông thử thi-hành trong một xứ. Nếu ngoài bốn, năm năm mà không có kết-quả tươi đẹp, ông xin cam chịu tội vông-ngôn.

Tuy thế mặc dầu, tấm nhiệt tâm của ông cũng vẫn không được ai chú-ý đến.

. . .

IX. — Nguyễn Trường - Tô với VIỆC KHAI KHOÁNG

Nước ta không đến nỗi thiếu khoáng-chất : vàng, bạc, than, kẽm, thiếc, sắt, đồng, đều có rải-rác ở khắp nước. Nhưng người mình vốn không biết nghề khai mỏ, nên những tài-nguyên thiên-nhiên đó cứ ần-nấp ở dưới đất, mà không ai biết đến. Tuy rằng ngay từ trước thời-kỳ Bắc - thuộc lần thứ nhất, người mình đã biết dùng các đồ bằng kim-khí, nhất là các mũi tên bằng đồng (1), nhưng toàn là mua kim-thuộc ở bên Tàu sang cả.

Theo trong sử, mãi đến đầu thế-kỷ thứ 15, người Minh sang cai-trị mới « đặt quan đề đốc dân phu đi khai mỏ » ở những nơi có mỏ vàng,

1. Theo ông Maspéro.

mỏ bạc. (1) Rồi từ bấy, việc khai mỏ đều vào tay người Tàu cả : đến đời Trịnh-Nguyễn phân-tranh đã có những chỗ mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ kẽm, mỏ sắt khai ở các tỉnh Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-son, Quảng-nam, Quảng-ngãi, nhưng người Trung-hoa thu hết cả lợi ; của mười phần nhà-nước không được một. Tuy nhà cầm quyền có đặt ra thuế mỏ, nhưng cũng không thấm-thía vào đâu.

Ông Nguyễn Trường-Tộ, nhà ở gần một mỏ sắt, nên ngay từ lúc nhỏ đã để ý đến việc khai-khoáng. Chính ông đã tìm ra được mấy cái mỏ.

Năm 1864, viết tờ điều-trần về Lục-lợi, ông bày rõ những lẽ cần phải khai những mỏ người mình đã biết như mỏ đồng, mỏ sắt, và tìm tòi những mỏ chưa biết đến như mỏ than đá. Ông viết : « Phép tìm than đá có nhiều điều ần-khuất, không nói hết được ; nhưng tìm than không khó mà khai mỏ than thì khó : nếu đào ở trên mặt đất thì chỉ dùng nhiều nhân-công là làm được ; chứ đào xuống sâu, có khi xuống đến một vài nghìn thước, nếu không có bộ máy hút cho kiệt nước đi thì không thể lấy được ; gia-dĩ trong mỏ thường sinh những hơi độc bắt phải lửa đèn

1. Việt-Nam sử-lược, Trần Trọng Kim.

là nỏ như súng, người ta đụng phải là chết ; cho nên muốn tránh tai-nạn phải dùng phép trừ hơi ấy đi và phép thông gió như người Tây. Vả lại đào sâu mãi xuống thường bị đất sụp mà chết, nên phải đặt những giồng chống mới được. Những phương-pháp lấy than như trên đó thực là khó khăn nhưng khi đắc-lợi, thì lại nhiều bằng mười mỏ vàng, mỏ bạc, vậy thế nào cũng phải hết sức tìm cách mà khai (1) ».

Năm 1867, nhờ có Giám mục Gauthier giao thiệp với một hội khai-khoáng người Pháp, ông Nguyễn Trường-Tộ muốn Triều-đình nhân dịp ấy mà nhờ người mở mang khoáng-lợi cho mình. Nhưng xem bức thư của hội khai-khoáng ấy thì nếu để họ đào lấy, mười phần mình chỉ được có một phần. Ông cho thế là thiệt thòi cho mình quá, vì « đất đai vốn là của ta ». Cho nên ông đề-nghị hai điều để Triều-đình thương lượng với hội ấy : « Một là bên họ chu cấp cho nhân-tài chỉ vẽ, bên ta chu cấp cho những người hộ-vệ và đốc-suất dân-phu, tiền mua khí-cụ hết bao nhiêu hai bên cùng chịu ; sau khi tính-toán tiền lợi, thì trong mười phần, trừ đi một phần trả thuế đất, một phần cấp

1) Điều-trần về Lục lợi, tháng 5 năm Tự-đức thứ 17 (1864).

cho phu-dịch làm công, còn bao nhiêu chia đôi ; các kỹ-sư và thợ thầy của họ ăn lương bên họ, các viên chức bên ta thì do Triều - đình liệu-lý. Làm như thế dù họ có thuê người đất ta, hai bên khỏi phải kêu-ca nhiều ít. Hai là hết thầy mọi việc đều do ta tự liệu lấy, người họ chỉ dùng làm kỹ-sư thì mười phần họ ăn một, chứ không được đòi tiền công gì nữa (1)».

Trước khi mời người của hội khai-khoáng sang, ông tự nhận « theo đường bộ đi về kinh để xem xét địa thế, nơi nào có mạch-lạc khoáng chất sẽ ghi lấy, để sau cứ thẳng tới chỗ đó mà tìm, khỏi phi thì giờ ». Ông lại xin Triều-đình « thông sức cho toàn-quốc : hễ ai tìm được mỏ nào mới mà báo với quan tỉnh, thì nhà nước sẽ gia-thưởng ».

Đến năm 1868, việc thương-lượng vẫn chưa xong, ông Nguyễn Trường - Tộ lại viết một tờ điều-trần để thúc giục Triều-đình nên mau mau khởi-sự.

Nếu chưa thỏa - thuận được với người, thì « phải gấp phái người đi học tập, rồi lựa những mỏ nào dễ làm, cho đi mua khí-cụ đem về ta tự đào lấy, lúc đầu còn khó, sau tất thành

1) Điều-trần ngày 9 tháng 4 năm Tự-đức thứ 20 (1867).

dễ... Làm như thế, tuy không mong chóng được đại lợi, nhưng có một điều hay là tự ta làm lấy, không còn sự gì đáng nghi-ngại nữa. Còn những máy trợ-lực, đợi khi nào cần dùng thì sẽ mua dần ».

Ông nói thêm : « Những đồ cần dùng đó, tôi đều biết cả, khi gửi mua cũng chẳng khó gì (1) ».

Kết-luận bài đó, ông viết : « Việc ấy nếu không làm mà cứ dằng-dai ngày này qua ngày khác, năm nọ đến năm kia, thì người tiến mà ta cứ thoái mãi, quyết không thể đứng vững được ».

Mặc dầu những lời thống-thiết đó, đến lúc ông Nguyễn Trường-Tộ nhắm mắt, việc khai mỏ ở nước ta vẫn chưa được như ý muốn của ông.

1) Điều-trần ngày 12 tháng 2 năm Tự-đức thứ 21 (1868).

X. — Nguyễn Trường-Tộ

với

VIỆC THUẾ KHÓA

Một nước có thiện - pháp bao giờ sưu thuế cũng minh - bạch. Ở nước ta, thuế đinh, thuế điền đã có lập lệ từ đời Lý; nhưng mãi đến triều Nguyễn trong dân-gian vẫn còn nhiều sự ần-lậu, nhiều điều bất - công. Cho nên ông Nguyễn Trường-Tộ muốn đem những tân-pháp học được ở Âu Tây hiến Triều - đình, để việc thuế-khóa được rõ-ràng và hợp với tình-thế mọi hạng người.

Muốn tránh sự ần-lậu, khi-trá, ông xin nhà nước điều-tra nhân-khẩu, đặt lệ đặc-điều và họa đồ cương-giới như trong một bài sau sẽ nói rõ. Khi đã có sổ thống-kế nhất - định thì không ai còn có thể gian - lậu về thuế đinh thuế điền được nữa.

Muốn được công-bằng, ông xin tùy theo gia-thế của từng người mà đánh thuế : người nghèo phải đóng ít, người giàu phải đóng nhiều ; càng giàu càng phải đóng hơn người khác. Thứ thuế đó khác nào « thuế lũy-tiến » của các nước văn-minh ngày nay ! Ông viết : « Hiện nay một tên cùng - đinh nộp thuế bao nhiêu thì một người đại-phủ-hộ cũng chỉ nộp bấy nhiêu mà thôi, chứ không phân - biệt người giàu kẻ khó. . . Những người phú-bộ chịu ơn nhà nước nhiều hơn kẻ cùng-dân, vì trộm cướp có dòm dỏ là dòm dỏ nhà giàu, bọn hung cường có hăm dọa và định mưu-hại là hăm dọa và định mưu-hại nhà giàu. . . Sở-dĩ nhà giàu làm giàu được là phần thì nhờ ở làng xóm lân-cận, phần thì nhờ có nhà nước tài-bồi chính-lệnh. . . Vậy, các nhà giàu muốn làm đẹp cho nhà mình phải chia ra một ít để làm đẹp cho thành quách của nhà nước, vì thành-quách có vững thì nhà mình mới bền ; muốn làm tốt cho nhà mình sao bằng chia ra một ít để sắm khí-giới cho nhà nước, vì có khí - giới thì gia - tài mình mới giữ được. Vì có ấy, ở Âu-Tây họ đánh thuế các nhà giàu nhiều hơn, như vậy cũng là hợp với lẽ công-bình (1).

(1) Tế-cấp bát điều; điều thứ ba, khoản thứ bảy.

Về thuế điền, muốn tránh sự bất-công, ông xin nhà - nước bắt các nông-quan phải lưu - tâm đến vốn canh - tác của dân : thí - dụ vốn canh - tác thửa ruộng hết mười quan, sau thu được hoa-lợi hai - mươi quan ấy là một vốn sinh ra một lãi. Vậy trừ mười quan vốn ngoài, còn mười quan lời thì phải nộp thuế bao nhiêu, cứ theo các hạng ruộng mà biên ra : trên số ruộng, dưới số thuế, rồi sức giao thuế - bộ cho lý - trưởng để biết trước ngày nào, giờ nào quan về thu, phải đem nộp tại nha (1)».



Chân dung ông Nguyễn Trường-Kiều, con trai của Nguyễn Trường-Tộ tiên - sinh, mới mất mấy năm nay.

Ngoài những thuế chính - ngạch đã đặt ra từ các triều trước, ông muốn xin nhà - nước đặt ra nhiều thứ thuế khác để cải - lương phong-tục.

Trong điều thứ ba bài «Tế-cấp bất-diều», ông xin đánh thuế thực nặng các sòng đồ-bác, các lò nấu rượu, các hàng bán thuốc lá, bán

1) Điều-trần về việc sinh-tài và khân-hoang : ngày 28 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24 (1871) .

nhà-phiến và các hi-trường, như trong một bài trước đã nói rõ. Đánh thuế như thế, theo ý ông, « sẽ có hai điều ích lợi: một là cải-cách những sự hư - phí ở dân-gian, để người trong nước được giàu thêm, hai là quốc-khố sẽ được đầy đủ mà không đến nỗi hại đến nhân dân ».

Đối với các hàng ngoại quốc nhập-cảng vào nước ta, ông cũng xin đánh thuế nặng, vì ông muốn đề-xương cái thuyết « bảo-hộ mậu-dịch » :

« Ở Âu-Tây, phẩm những hàng-hóa ngoại-quốc, bất-luận hàng gì đều theo giá đắt rẻ mà đánh thuế gấp đôi các hàng-hóa trong nước, còn những xa xỉ - phẩm không quan-thiết đến sinh-mệnh của dân, thì họ đánh thuế bội lên nữa ».

Vì thế, ông xin đánh thuế chè Tàu : « Các hiệu ăn ở các chợ, muốn bán chè tàu phải có môn-bài của nhà-nước phát cho. Nếu giá bán chè là một quan, thì cũng đánh thuế một quan, đã lấy thuế khi nhập - cảng : lại lấy thuế khi dọn hàng ở chợ nữa. Làm như vậy không phải là quá - đáng, vì những người uống chè tàu đều là hạng người phú-quí phong-lưu ; ở trong nước đã sẵn có chè Nam uống cũng mát-mẻ và giải khát, thế mà họ có tiền dư lại làm cách phong-

lưu hư-phí, đã mất thì-giờ, lại hại công việc. Nay nếu cứ để cho hoang-phí vô-ích, đã hao-tồn tinh-thần, lại còn làm giàu cho người Trung-hoa nữa. Thà rằng thu vào quốc-khố cho nhiều, để giữ-gìn sản-nghiệp cho họ; họ đã thiếu mất nghĩa-vụ thì nhà-nước nên ép mà lấy thuế, để gây nghĩa-vụ cho họ, cũng là một lẽ nên làm. »

Ông lại xin đánh thuế các hàng tơ-lụa của Tàu : « Nguyên nước ta vẫn có nhiều hàng trừu đoạn, thế mà nhiều người không cho là tốt, chỉ chuộng hàng Tàu, khiến nghề tầm-tơ trong nước không người chăm-chút, tơ lụa càng ngày càng đắt, lưu-tệ cũng vì đó mà ra. Nếu những người phú-qui không mua hàng Tàu mà chỉ dùng hàng ta, thì cũng đủ chán. Nhưng hàng ta dù tốt cho mấy họ cũng chê-bai, mà hàng Tàu có xấu đến đâu, họ cũng cho là tốt... Nay xin cứ để ý-cự các đồ gai, vải và các thứ phục-sức của nước ta, còn các thứ hàng Tàu, thì cứ vật-giá bán mười quan, phải đánh thuế thêm năm quan nữa. »

Thiết-tưởng những ý-tưởng ấy, ngày nay đem ra làm bài dạy khôn cho quốc-dân cũng chưa đến nỗi là quá mùa !

XI.— Nguyễn Trường - Tộ

với

PHÉP THỐNG - KẾ VÀ VIỆC ĐẠC-ĐIỀN

Một điều đặc-sắc trong cách tổ chức mọi việc của người Âu-Tây là phép thống-kế. Nhờ có phương-pháp đó, ở các nước văn-minh người ta biết được trường-tập số nhân-khẩu, số người làm từng nghề, số người thất-nghiệp, số sản-xuất các hóa-phẩm, số hàng hóa và tàu bè xuất - cảng, nhập-cảng trong một tháng, trong tam-cá-nguyệt, trong lục-cá-nguyệt, trong một năm, trong mười năm, v. v...

Có biết rõ được số từng thứ một, thì mới hiểu được về phương-diện gì quốc-dân được tấn-tới, về phương-diện gì còn có nhiều khuyết-điểm, rồi mới có thể tìm cách khuyến-kích, chấn-cỉnh hoặc bỏ-cứu được.

Trong bao nhiêu thế-kỷ, người nước ta chỉ quen thói hàm-hồ, luộm thuộm, cho nên trình-độ quốc-dân cao hay thấp, hơn người ở chỗ nào, kém người vì đâu, đều không được biết rõ. Đến cuối thế-kỷ thứ 19, mọi việc đều còn hỗn-độn. Nhất là các lý-dịch vì tư-lợi chỉ tìm cách khi-trá; mỗi khi khai-báo mà lừa dối được quan trên thì lấy làm hãnh-diện với dân em; cho nên Triều-đình không được biết rõ-ràng tình-thế của dân gian. Đến nỗi ông Nguyễn Trường-Tộ phải kêu lên rằng:

« Tôi thiết-ngĩ nhà nước đối với dân cũng như cha mẹ đối với con. Nếu cha mẹ không biết con có mấy đứa, đứa nào làm nghề gì, đứa nào giàu, đứa nào nghèo, đứa nào sống, đứa nào chết, đứa nào đau khổ, đứa nào lợi hại ra sao, thì thực chưa đúng với đạo làm cha mẹ... Nay nếu Triều-đình không biết trong nước có bao nhiêu trai gái, bao nhiêu người già, bao nhiêu người trẻ, bao nhiêu người giàu, bao nhiêu người nghèo, bao nhiêu người làm nghề gì, thì trị-đạo còn khiếm-khuyết nhiều lắm! Ở Âu-Tây thì hết thấy những người sống, chết, giàu, nghèo, học-thức, ngu-độn cho đến quan và lính đều có lý-dịch biên-chép cẩn-thận. Lại trong mỗi năm, ở các thành phố hàng-hóa ra vào, thuyền bè đi

lại, quán-khách nhà trọ, vật giá sang hèn, cùng những món lợi về bách cốc, lục-súc, sơn-dầu, hải-khẩu, khoáng-sản, tạo-tác và những việc tiêu dùng, nhất-nhất đều kê biên tường tận để dâng lên Triều-đình, cho được biết rõ sự thịnh, suy, lợi, hại (1) ».

Ông xin nhà nước sức cho các phủ huyện và tổng lý hàng năm phải biên chép cho rõ tình hình; người nào ăn-nặc sẽ phải trị tội thực nặng.

Cuộc điều-tra nhân khẩu và việc lập các bản thống-kế mà được rành-mạch thì thuế-khóa được công-bằng, việc cai-trị cũng dễ dàng, không còn câu-thả nữa.

Cũng vì muốn trừ cái thói câu-thả nó đã hình như là một đặc-điểm của người mình, ông Nguyễn Trường-Tộ ngoài hai điều trên, lại xin Triều-đình đặt lệ đặc-điền và họa-dồ cương-giới nữa.

Ông thường thấy « ở nhiều nơi đất ruộng nhiều mà trong điền bộ chỉ khai độ ba bốn phần mười... Lại có nơi, ruộng có thuế thì phải bỏ hoang mà ruộng không thuế thì được nhiều lúa... Cũng có làng lý-dịch đem ruộng chỗ nợ đời

(1) Tế cấp bát điều, điều thứ bảy.

qua chỗ kia để thu nhiều mà nộp quan thì ít, thực là lộn xộn quá chừng ! ».

Cho nên ông « xin nhà nước lựa cho được những người có thực-tâm liêm-chính chia nhau đi khắp các làng để đạc-điền : bất cứ ruộng lớn ruộng nhỏ đều cứ theo thước tấc mà vẽ vào đồ-bản, chú-cước số hiệu cho rõ ràng (1) ».

Nhân việc đạc điền, ông lại xin họa đồ các cương-giới và phân rõ địa-phận các tỉnh, các phủ huyện, các xã thôn các trang phường ; « phải đo đạc cả bốn phía, sao cho phù-hợp những chỗ rộng hẹp, gần xa ; trên mặt đất có những hình-thể gì, cũng phải vẽ rõ ; trong bản-đồ có kèm theo những lời chú-thích để giải-nghĩa. Các bản-đồ đó, hoặc vẽ riêng từng khu-vực, hoặc vẽ chung cả nước, đều phải theo đúng độ-số và lý-số, để tiện việc kế-toán (2) ».

Theo ý ông, họa-đồ như thế không những lợi về việc cai-trị, về việc kinh-tế mà còn lợi về việc võ-bị nữa, vì địa-dur trong một nước có ảnh-hưởng to-tát đến việc hành-binh.

(1) Tế cấp bát điều, điều thứ năm.

(2) Tế cấp bát điều, điều thứ sáu.

Nhưng họa-dồ phải theo tân-pháp thì mới được đúng, vì « cách-thức họa đồ của ta rất là thảo-suất, xem bản-dồ không thể biết rõ được như chính mình đã đi đến tận nơi ».

Vì sợ trong nước ít người hiểu những phương-pháp mới, nên cũng như khi bàn đến các vấn-đề khác, ông phải biên thêm câu : « việc họa-dồ và đo đạc như trên, tôi cũng có biết ».

Ấy thế mà chẳng ai đếm-xỉa đến lời đề-ngị của ông. Thậm-chí ông ngửa tay xin việc mà cũng chẳng ai thềm giao cho. Bởi thế mãi đến lúc người Pháp đã đặt nền bảo-hộ, thì công việc đạc-điền và chỉnh-dốn cương-giới mới bắt đầu được thực-hiện.

. . .

XII.— Nguyễn Trường-Tộ

với

VIỆC MỞ MANG THÀNH-THỊ

Nước ta là một nước chuyên về nghề làm ruộng, cho nên dân cư phần nhiều ở nhà quê các thành phố mở mang chậm chạp.

Trước khi người Pháp đặt nền bảo-hộ, thì chỉ chỗ nào có vua quan mới có thành-thị. Nhưng cách xếp đặt rất là sơ-sài: Vua, quan, quân lính ở trong thành, còn bên ngoài thì dân-cư tụ-tập trong những nhà tối tăm lụp-sụp, ngõ-ngang Đường-xá chật-hẹp và dơ bẩn, mỗi khi có một trận mưa xuống, bùn lầy lên' như ở các đường thôn-quê. Trong thành ngoài thị đều có những hồ ao đọng nước tù-hãm; đến mùa viêm-nhiệt, uế-khi bốc lên, rất hại vệ-sinh.

Ông Nguyễn Trường-Tộ đã từng đi qua những thành phố sáng sủa, sạch sẽ ở Âu-châu, nên ông muốn đem sự hiểu biết của ông giúp vào

việc mở mang thành - thị trong nước. Trong nhiều bản điều-trần, ông có nhắc đến việc đó.

Trước hết ông khuyên nên trồng cây : « Trong kinh-thành, ở hai bên vệ đường, cứ cách mười thước ta lại trồng một cây ; ở trong vườn các nhà, các dinh, thì cứ mỗi khoảng mười thước rưỡi một bề, lại trồng bốn góc bốn cây như sắp bàn cờ (1) ».

Ông là người yêu cây lắm, vì cây không những cho ta quả ăn, gỗ dùng, mà còn làm cho mưa gió thuận-hòa : « cây cối hút thấp-khí trong đất, đến khi mặt trời nóng dội xuống, cây thở thấp khí ấy ra đầy trời ; nó đọng lại làm mây, rồi rơi xuống làm mưa, thành ra thời - tiết được điều-hòa » (2), nhất là ở những nơi đông-đúc như thành-thị, cây lại rất có ích cho vệ-sinh : « Vì chỗ kinh-thành, nhân dân trù-mật, thán-khí và uế-khí rất nhiều, dễ sinh ra tật-bệnh. Nhờ có cây cối hút thán khí nhả ra dưỡng-khí, khiến cho độc-khí và sinh khí lẫn lộn và điều-hòa với nhau ».

Muốn tránh hỏa-hoạn và tiện việc binh-bị, ông xin bắt các nhà cửa trong thành đều phải lợp bằng ngói : « Xin sức cho các nhà trong thành, bắt-luận nhà quan hay nhà dân, đều phải

1) Tế-cấp bát điều, điều thứ nhất.

2) Điều-trần ngày 28 tháng 8 năm Tự-đức 24 (1871).

làm bằng gạch ngói... Xin hiệu-dụ cho các phú-bộ được phép xuất tiền làm nhiều nhà ngói trong thành, nhưng phải nhờ quan trên chỉ cho nên làm chỗ nào và kiểu cách thế nào. Nếu ai làm được năm mươi gian trở lên thì xin ân - thưởng cho họ ; hoặc có người góp vốn mà làm nhiều hơn nữa cũng xin tùy theo từng người mà định-thưởng. Số tiền cho thuê nhà đồng-niên sẽ do Bộ định trước, bắt các gia-chủ phải theo ».

Ông lại xin Triều - đình đặt ra một chương-trình chỉnh-dốn thành-thị : « xin xét kỹ chỗ nào nên thay đổi, chỗ nào nên đắp cao hoặc đào sâu, hoặc làm rộng, làm hẹp, làm lớn, làm nhỏ thế nào, đều họa thành đồ - bản, rồi cứ lâu lâu sửa sang ».

Đường-xá, hào rãnh, cầu-cống, chợ-búa, ông đều xin sắp-đặt lại cho được khá-quan và hợp vệ-sinh.

Ông cũng không quên việc cảnh - sát trong thành. Ông viết : « Phạm những kẻ bần-dâu vô-nghệ và các người ở nơi khác đến trú-ngụ, không kê sĩ, nông, công, thương, hề không có thực-nghiệp vĩnh-viễn, thì cấm không được nấn-ná ở trong thành. Còn những người bán hàng giống như thuốc lá và bánh trái, thì xin sức cho họ được vào nửa giờ sau khi sáng tỏ, nhưng trước buổi tối nửa giờ phải ra hết cả ».

Tuy trong việc sửa sang thành-thị, ông chú-ý đến việc phòng-thủ hơn là mỹ-thuật, nhưng nếu những lời đề-nghị của ông được người ta nghe theo thì các thành - thị của ta cũng không đến nỗi lộn-xộn, dơ - bẩn, ngay từ trước khi người Pháp đề chân đến.

. . .

XIII.— Nguyễn Trường-Tộ

với

VIỆC CHỈNH-ĐÓN VÕ-BỊ

Tuy từ đời Đinh, việc binh-chế của nước ta đã rập theo khuôn mẫu của Trung-quốc mà tổ-chức mỗi ngày một hơn, nhưng về thể-kỹ thứ 19 nên võ-bị của nước ta đối với binh chế các nước Âu-châu còn thấp-hèn kém cỏi quá. « Thời-đại đã khác đi rồi, người ta đánh nhau bằng súng nạp-hậu, bằng đạn trái-phá, chứ không bằng gươm hăng giáo như trước nữa. Mà quân lính của mình mỗi đội có năm mươi người thì chỉ có năm người cầm súng điều-thương cứ phải chân ngồi mới bắn được, mà lại không luyện-tập, cả năm chỉ có một lần tập bắn. Mỗi người lính chỉ được bắn có sáu phát đạn mà thôi, hễ ai bắn quá số ấy thì phải bồi thường. Quân lính như thế, binh-khi như thế mà quan thì lại cho lính về phòng,

mỗi đội chỉ đề độ chừng 20 tên tại-ngũ mà thôi (1) ».

Cbình vì thấy việc tổ-chức binh-bị sơ-sài, cầu-thả như thế, mà ông Nguyễn Trường-Tộ phải kêu gào chính-phủ nên mau mau cải-cách. Ông nhắc đi nhắc lại trong nhiều bản điều-trần (2).

Tuy là một nhà nho, nhưng ông yêu tinh-thần thượng-võ, ông rất bực mình với những cách kiêu-căng lỗ-lãng của bọn hủ-nho, họ thường tưởng rằng : « làm xong quyền sách *Xuân-thu*, thì bọn loạn-thần, giặc cướp đều khiếp sợ », nhưng họ không hiểu rằng quân địch có sợ oai-thế của một nước, là sợ cái sức mạnh của quân-gia, của súng ống, chứ có nề gì những lời văn múa-mép. Ông viết : « Chỉ lấy một bài thơ, một lời rói, hỏi có thể làm cho quân giặc thua được không ? Đến khi hữu-sự, nếu không có võ-lực trấn-áp, thì tất-nhiên cả quốc-gia, quan-quyền, dân-thù, luật-lệ, chính-sự và pháp-độ phải giao

(1) Việt-Nam sử-lược, Trần Trọng Kim, quyền hạ, trang 220.

(2) Bản Tế-cấp bát điều ; bản điều-trần năm Tự-dức thứ 22 (1369 ;

Bản điều-trần ngày 21 tháng 2 năm Tự-dức thứ 24 (1871) ;

Bản điều-trần ngày mồng 2 tháng 5 năm Tự-dức thứ 24 (1871).

vào tay quân địch, phỏng các văn - quan lấy gì mà trị nước ? (1).

Vì thế ông cho việc cải - cách võ - bị là một việc rất quan-trọng trong nước.

Trước hết ông xin Nhà nước chỉnh-dốn việc lựa tuyển các tướng sĩ :

Ông nghiệm thấy rằng các viên lãnh - binh đề-dốc của ta phần nhiều dốt nát mà nghiêm-nhiên ở một địa-vị cao - trọng. Học-lực chỉ đủ viết được hai chữ « tuân-phụng » mà cũng sai khiến trăm nghìn người khác thì sao cho thỏa-đáng. Ông xin lựa những người có tài-năng học-thức mà dùng để đào-thải những hạng liệt-nhược ngu-độn. Ông viết : « Đương lúc này cơ sao Triều-đình không lựa những hạng cử - nhân, tú - tài có sức mạnh, bắt họ bỏ văn qua võ mà đọc cho thuộc các sách võ-kinh, rồi phong cho họ những chức quân - đội trở xuống. Khi họ đã học tập binh-chánh được ba năm thì cho thi rồi bỏ dụng... Xưa nay những bậc danh-tướng, tuy cũng có người ít văn chương nhưng chẳng qua là vì họ không tập theo lối hủ-nho mà thôi... Quân thi qui ở sức mạnh, tướng thi qui ở mưu - mô, vì tướng cũng như tai mắt mà quân thi như chân tay. Nếu hai mắt mà mù thì sai khiến chân tay sao được (2) ?

(1) Tế cấp bát điều, điều thứ nhất.

2.) Điều-trần về việc tu chỉnh võ-bị ngày mồng 2 tháng 5, năm Tự-đức thứ 24 (1871).

Vậy trong quân-dội các viên quân - suất cần phải biết chữ để có thể học các binh-thư. Mà các sách đó, Triều đình phải cho người soạn theo các võ-kinh của Trung-quốc, tham bác với các sách về bộ-binh và thủy-binh của người Âu. Khi đã có sách rồi, phải cần lập ra những trường võ-bị ở các tỉnh, rồi mượn các huấn-luyện viên người Tây hợp với các quan võ của ta mà thường ngày giảng-tập cho quân - lính các binh-pháp và các trận-thế.

Về việc tuyển lính, ông xin chỉ lựa những người trai-tráng chưa có vợ con và thực mạnh-khỏe để có thể đương được những việc vất-vả và tập-luyện cho được nhanh-nhẹn. Đã làm lính là phải tập cho tinh-nhuệ, dù trong lúc thái bình cũng phải sẵn-sàng, kéo đến lúc giặc đến ngoài cửa ngõ mới tập thì không kịp nữa. Nhưng muốn cho họ chuyên về việc học tập võ-ngệ, thì đừng bắt họ làm những công việc thay đầy tớ con nhà. Chính ông Nguyễn Trường-Tộ thường thấy nhiều ông quan cứ bắt lính về làm việc vặt trong nhà, như thế thì họ làm gì có thì giờ mà chăm về binh-sự.

Vả lại muốn cho quân - lính hết lòng với nước trong vòng tên đạn, thì lúc bình-thường cần phải hậu-dãi họ và đối với họ cho có ân-tình : Trong khi ông ở Paris, ông có thấy « quân-

linh được ở những tòa nhà đồ - sộ trong những vườn hoa đẹp để chơi bời... Họ được lĩnh một số lương từ 4\$00 đến 15\$00 một tháng để tiêu ngoài, đấy là chừa kể rượu, thịt bánh, đường, chè cà-phê, muối, dấm, dầu, rau, mỡ v. v... hàng ngày họ nhận được. Nếu ai chết về việc nước, thì vợ con được ăn lương suốt đời... Nếu ai bị đau ốm thì được các tướng-tá cho các đồ ngon ngọt, tình-nghĩa gần-bó như keo sơn ». Cho nên ông xin Triều-đình, trong việc chinh-đốn võ-bị, nên để ý đến lương-thực của lính và cách đối-dãi với họ. Khi họ đã nặng ơn với nước, họ sẽ phải gắng sức mà luyện-tập, để có thể lập thành những quân-đội lành nghề.

Quân đội phải chia rành mạch ra lục-quân và thủy-quân. Về lục - quân ông xin Triều-đình mua súng và luyện một đội kỵ-mã. Trong bài điều-trần ngày 26 tháng 9 năm Tự - đức thứ 19 (1866). ông viết : « Tôi thấy người Pháp mới tạo được một thứ súng điều-thương cứ trong năm phút bắn được một trăm phát. Vậy Triều-đình có nên mua một cây về làm kiểu-mẫu rồi bắt chước hay không? » Trong bản điều-trần ngày 21 tháng 2 năm Tự - đức thứ 24 (1871), ông lại viết : « Xin phái người sang xứ Ma-ni mà mua cho được bốn năm trăm con ngựa đã

luyện - tập, lại thuê độ một trăm người Ma-ni (mỗi tháng trừ cơm ăn chỉ phải trả có 4\$00 lương) để họ luyện cho quân kỵ-mã của ta... Nếu đánh giặc, mà dùng ngựa thì hành - binh được đặc - lực nhất... Khi đã luyện được một đội quân kỵ mã rồi, thì nên mua cho được năm, sáu trăm súng kỵ-mã và độ hai mươi cỗ súng đại-bác có đủ đạn và xe chở... Lại mua cho đủ đồ khi-cụ, lập ra những xưởng cơ-khi và mượn người Anh, người Pháp mỗi nghề một người, để dạy cho lính thợ ta học làm những đồ cần dùng. Người Âu - Tây mà hợp - tác với ta thì chẳng những ta có được nhiều khi-cụ tân-hời, mà chỉ nội trong năm, sáu năm, sẽ luyện được nhiều tay lính thợ khéo-léo».

Đây là nói về lục-quân. Còn thủy - quân thì cần phải sắm hỏa - thuyền. Trong mục nói về « vấn-đề sinh-tái », đã có nói ý-kiến của ông về việc mua và đóng tàu thủy. Ở bản điều - trần về việc binh - bị (1), ông lại còn nhắc đến sự ích - lợi của hỏa - thuyền, nhất là để trừ bọn giặc bể, bọn tàu-ô : « Nay nếu ta mua được năm, sáu chiếc hỏa - thuyền cho kiên - cố, mỗi chiếc có đặt mười khẩu súng đại - bác lớn và nhỏ, lại thuê ở mỗi chiếc độ năm người Anh

1. Ngày 21 tháng 2 năm Tự-dức thứ 24 (1871).

hoặc người Pháp, một người coi máy và bốn người chuyên về việc bắn, để họ hợp với lính ta vừa đi tuần vừa tập - luyện, dàn ra đi từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, thì hễ gặp thuyền của bọn cướp cứ việc bắt về mà trị tội... thuyền giặc tất phải trốn tránh đi nơi khác».

Về việc phòng-thủ, thì ở điều thứ nhất bản «Tế cấp bát điều» ông có bàn rất kỹ-lưỡng về cách xây chữa các đồn ải theo lối mới, nhất là ở các cửa bể và ở những nơi quan-ải; cách sửa sang các thành-thị cho hợp với binh-pháp và cách cắt-đặt quân-linh canh-phòng cho nghiêm-mật ở các nơi hiểm-yếu.

Ông lại còn nghĩ đến vấn-đề vận lương-thực cho Kinh - thành. Trong bản phụ vào tập «Tế-cấp bát-điều» ông có viết: «Kinh-thành Thuận-hóa bây giờ là cái rốn của nước ta, mà Bắc-kỳ tức là cái đầu, nếu một vật ăn từ miệng xuống bụng mà mắc nghẹn ở giữa, thì sẽ sinh ra đại bệnh». Vì thế ông xin cho đào một con sông lớn chảy từ Hải dương vào Huế và đặt ra nhiều thuyền vận - tải để tiện việc chở lương. Ở hai bên bờ sông, ông xin đắp đường đê dùng bò ngựa kéo xe, và đặt thêm một hạng lính gọi là «dân - binh», để tiếp theo địa-đầu mà trông nom việc vận - tải.

Ông cũng biết những điều đề-nghị của ông, nếu muốn thực-hành, đều tốn nhiều tiền cho công-quỹ. Mà quỹ nước ta hồi ấy còn nghèo quá, nên ông có sáng-kiến xui Triều-đình vay tiền nước ngoài về mà tiêu dùng về các việc ấy : « Nay xin Triều-đình phái quan qua Hương-cảng hỏi các hiệu buôn lớn mà vay một số tiền to (việc này tôi chắc được), định hạn mỗi năm phải trả lãi bao nhiêu, hoặc đem hàng hóa của ta qua mà khấu nợ, hoặc nhường cho họ một vài cửa bể thông - thương để đánh thuế mà trừ dần, hoặc nữa nhường cho họ một vài đám rừng có gỗ để họ lấy lợi ; phải định rõ mỗi năm sẽ trừ vốn đi bao nhiêu. Tờ văn-khế đó chiếu theo luật Tây mà làm, rồi nhờ quan nước Anh đứng chứng nhận.... Khi đã vay được số tiền lớn lao rồi, thì cứ việc đem về mà làm cả bao nhiêu việc một lần ».

Nói tóm lại, về việc chỉnh-đốn võ-bị, ông Nguyễn Trường-Tộ đã phác ra một chương-trình chu-đáo....

XIV.— Nguyễn Trường-Tộ

với

TRIỀU-ĐÌNH VÀ QUAN-LẠI

Ông Nguyễn Trường-Tộ vốn là một nhà nho chân-chính, tôn - sùng đức Khổng-tử, nên ông cũng chủ - trương cái thuyết « Trung-ương tập-quyền » của ngài : Trong các bài điều trần của ông, ông nhắc luôn đến câu « địa - vị vua là qui, địa-vị quan là trọng ».

Đối với nhà vua, bao giờ ông cũng tỏ vẻ tôn - kính. Theo thuyết chính - danh và thuyết thiên-mệnh của đức Khổng, ông cho rằng vua thay trời mà trị dân, cho nên vua là bất khả xâm - phạm, mà công việc của vua có lẽ là do đấng Thượng-đế xui nên nữa : « Đấng Quân-thượng đã vâng mệnh Trời để thi - hành mọi việc, thì những việc nên làm nên bỏ, biết đâu là không do ý Tạo-vật xui khiến (1) ».

1) Điều - trần về Lục - lợi : tháng 5 năm Tự - đức thứ 17 (1864).

Vua đã đứng trên cả nhân dân để cầm quyền thống - trị, thì vua đối với dân cũng như cha mẹ đối với con, không những có quyền làm cha mẹ còn có bổn - phận của cha mẹ nữa : « Tội thiết-tướng nhà nước đối với dân cũng như cha mẹ với đàn con... Một nước cũng y như một nhà, cha mẹ phải chú-trọng vào đàn con, thì Triều-đình cũng phải chú trọng vào dân, vì Triều-đình trị dân mà bỏ sót một tên dân, tức là bỏ sót một điều chính-trị vậy (1)».

Sự liên-lạc của Triều-đình và dân-chúng rất là quan - hệ, nhưng quan - hệ hơn nữa là sự giao-thiếp với dân của những người thừa-hành mệnh-lệnh Triều-đình tức là quan-lại....

Vi thế, ông muốn xin Triều-đình cải-cách quan-lại. Theo ý ông : « làm quan phải cần có người liêm-cán siêng - năng, » phải cần bổn-tâu trong hạt để dò xét những uôi u-ẩn của dân-gian, và nhất là phải cần giản-dị, đi đến đâu không báo trước, để nhân-dân khỏi đón rước thêm phiền (2).

Mà muốn có đủ tiền để tăng lương cho quan-lại, thì cần giảm bớt số quan : « Quan nhiều quá thì Triều-đình tốn nhiều lương-bổng mà dân-gian thì phiền về sự đón tiếp, yêu-sách. Có nhiều ông

1.) Tế-cấp bát điều, điều thứ bảy.

2.) Tế-cấp bát điều, điều thứ hai.

quan hiểu sự, tìm ra nhiều chuyện dễ được tiếng siêng-năng, sinh ra nhiều mối tệ-đoan..... Nay xin xem địa-thế mà đem hai ba tỉnh hợp một, hai ba huyện hợp một, rồi đem lương bổng thừa ra, cấp thêm cho quan viên tại chức.

Ông lại đem quan-chế Âu - Tây ra đối chiếu, để tỏ quan niệm của Tây - phương đối với các quan : « Ở Âu Tây, hề quan vẫn làm việc ngày nào, tức là làm quan ngày ấy ; các quan hoặc do dân tuyển - cử, hoặc do các kỳ thi lựa ra, bất-luận ở phẩm trật nào, đến lúc về hưu cũng phải trở lại làm dân (1) ».

Vậy thì quan và dân không có cách-biệt nhau lắm. Bởi thế về mọi vấn-đề, ông thường xin nhà nước hỏi ý-kiến dân để cho Triều-đình quan - lại và dân gian được liên - lạc mật-thiết với nhau : « Xin Triều-đình đặt ra nhiều vấn-đề giao về cho địa phương-quan hỏi khắp dân gian bất - luận dân lương hay dân giáo, hề ai hiểu thấu chân - lý thì cứ theo đề - mục mà đối đáp, cứ mỗi tháng, các tỉnh phải đệ các lời giải đáp ấy về Kinh một lần ; khi khảo duyệt, hề thấy bản nào có những ý tưởng bổ ích cho thực dụng, thì xin nghị thường khuyến-khích, rồi lại sức cho

(1) Tế-cấp bát điều, điều tứ nhất.

tác-giả những bài đó cứ theo ý trong bài mà thi-hành, nếu được như lời mà mưu được việc ích chung cho nhà nước, thì được bổng dung theo môn của mình, hoặc được Triều-dinh phát bằng cấp cao, mà chế-tạo để bán lấy tiền. Nếu quan địa-phương tỏ ý khinh-khị bọn người nào mà bỏ những bài của họ thì xin cho phép họ được về Kinh mà tố-cáo ». (1)

Giữa dân-gian và Nhà-nước, cần phải có những lệ-luật nhất-định, để các quan biết hạn-chế quyền hành của mình và để người dân biết đường cư-xử, khỏi phạm phép vua : « Những kỹ-cương uy-quyền, chính-lệnh cho đến tam-cương ngũ-thường, công việc sáu Bộ, việc cai-trị, việc giữ nước, việc thưởng-phạt, thấy đều ở trong bộ Luật... Ở Âu-Tây, những việc ngũ-hình đều ở trong tay viên quan giữ bộ Hình cứ chiếu luật mà hành pháp ; dầu dấng quốc-vương cũng không được lấy ý riêng của mình làm tội một người nào mà không có quan bộ Hình thuận ký (2).

Khi Triều-dinh yêu thương săn-sóc đến nhân-dân, khi quao-lại làm tròn nghĩa-vụ của mình để gây hạnh-phúc cho người trong hạt, khi dẫu

(1) Điều-trần về việc học-tập cho có nhân-tài : 23 tháng 7 năm Tự đức thứ 19 (1866).

(2) Tế-cấp bát điều, điều thứ tư, khoản thứ tư,

gian biết kính-trọng lệ - luật của nhà nước mà làm ăn lương thiện, theo gương sáng của các bề trên, thì quốc-gia tất phải hưng-thịnh và thái-bình ; làm gì còn có những kẻ bất-đắc chí gây mối thù hằn, làm gì còn có những đám giặc cỏ gieo cảnh loạn-ly thảm-khốc trong dân-gian ! Đến khi trong nước có gặp bước khó-khăn, thì vua, quan, dân-chúng cùng một lòng... Cho nên hạnh-phúc của dân, vận-mệnh của nước đều là do tài cai-trị, trí công-bình và lòng vị-tha của Triều-đình và quan-lại.

...

XV.— Nguyễn Trường-Tộ

với

TÔN-GIÁO VÀ TẠO-VẬT

Dưới triều Minh-mệnh và Thiệu-trị, nhà vua chỉ lấy đạo Nho làm chính-đạo, cho các tôn-giáo ở ngoài đem vào là tà-đạo, bắt dân-gian phải bỏ tà theo chính; cho nên việc cấm đạo Gia-tô bằng đi trong đòiTây-sơn và triều Gia-long, lại bắt đầu nghiệt-ngào. Và lại nhà vua nghi ngờ các giáo-sĩ mượn tiếng đi giảng-đạo để tìm cách do thám, nên không muốn cho người ngoại-quốc vào truyền-giáo trong nước: từ năm 1825 đến năm 1847, có nhiều giáo-sĩ và đạo-đồ bị án xử-tử.

Đến năm 1848 vua Tự-dức mới lên ngôi, đã có dụ cấm đạo. Trong dụ nói rằng: « Những người ngoại-quốc vào giảng-đạo thì phải tội

chết, những người đạo - trưởng ở trong nước mà không chịu bỏ đạo thì phải khắc chữ vào mặt, rồi phải đẩy đi ở chỗ nước độc (1)».

Ông Nguyễn Trường-Tộ vốn là con nhà đạo dòng, thấy Triều-đình nghiêm-cấm một tôn-giáo và dùng những cách tàn-bạo, lấy làm khổ-tâm lắm.

Trong nhiều bản điều-trần, ông hết sức bày tỏ rằng dân giáo tuy theo một đạo của ngoại-quốc đem vào, nhưng vẫn là tôi con của Triều-đình, vẫn là phần-tử của quốc-gia, nếu nhà-nước để cho họ được tự-do theo tin-ngưỡng của họ, thì họ vẫn giữ bền được lòng trung-trực. Thảng-hoặc có một vài người theo đạo mà xướng loạn, phản lại Triều-đình, thì lỗi tại người chứ không phải tại đạo. Xưa kia giặc Hoàng-Cân theo đạo Lão, loạn Ngũ hồ theo đạo Phật, nao Triều-đình Trung quốc có vì bọn phiến-loạn ấy mà cấm những đạo-giáo đó đâu...

Theo ý ông bất-cứ tôn-giáo nào cũng căn-cứ theo điều trung hiếu cả, chỉ có ngại-thức là khác nhau thôi, vậy hà - tất phải ngăn - cấm sự tin-ngưỡng của người ta. Đối với sự khoan-dung về tôn-giáo, ông chẳng thực kém gì Michel de l'Hos-

1) Việt-Nam sử-lược quyển hạ, trang 219.

pital, người đã ra sức ngăn cản những cuộc đổ máu về tôn-giáo ở Pháp trong thế-kỷ thứ mười sáu và đã nói một câu bất - hủ : « Grom - giáo không thể nào chống lại với tư-tưởng của người ta được ! »

Chinh Tào - vật cũng cho ta một cái gương khoan-hồng vô cùng sáng-láng, sao ta không biết noi theo ? « Đức Thượng-đế thống-trị toàn-cầu, cũng y như dấng nhàn-quân cai - trị một nước. Trong vạn-quốc, mỗi nơi có âm-thoại riêng, có phong-tục riêng, có hiểu-thượng riêng, thế mà đức Thượng-đế chỉ lấy một lý ứng - phó với cả muôn loài, khiến vật nào cũng được thuận theo thứ tự, thỏa theo nguyên-vọng, mà không ép buộc phải giống nhau... Đức Thượng - đế chế - trị cả đại-địa, mà vẫn để tùy các dân-tộc muốn lập ra các giáo-môn gì cũng được, chứ không hề ép buộc bên này phải đi theo bên kia, chính là một cai-thâm-ý vậy ».

Ông Nguyễn Trừn - Tô tin rằng Tào-vật rộng-rãi, công-bằng và sáng-suốt vô-cùng : « Trước khi sinh ra loài người, dấng Tào vật đã tạo ra đất đai, sinh ra vạn vật để làm nguồn lợi, cho chúng ta hưởng ; ngài muốn giao quả đất cho cả loài người hưởng-thụ để họ góp sức nhau lại mà làm

cho cái công cuộc chung mỗi ngày một tốt đẹp thêm (1). »

Nhưng có lẽ ông lại chịu ảnh-hưởng cái giáo-thuyết thần-ân túc-mệnh, nên tin rằng trong thiên-hạ có dân-tộc hữu phúc, có dân-tộc vô-phúc.

Những dân - tộc hữu - phúc thì một ngày một thịnh, một ngày một tuem đông, còn những dân tộc vô-phúc thì như Chiêm-thành, Phù-nam cứ điêu-tàn dần-dần rồi bị tiêu - diệt. « Nước Nam ta thuộc về nhân-loại hữu phúc, bây giờ tuy là bị khốn-khổ một lúc, nhưng sau này chắc sẽ mới mang bờ-cõi thêm nữa, vì cả cái giang-sơn ở hai bên sông Cửu-long-giang sẽ là nơi cư-trú của dân-tộc ta, nếu sau này ta có cơ-hội ! (2) »

Cho nên « đấng Tạo hóa vẫn có lòng hiếu sinh lắm lắm, ngài đã ban cho địa-lợi rất tốt, lại sinh cho ta những nhân-vật rất hay, hẳn ngài cũng muốn cho ta được thịnh-vượng để gây-dựng nên một cái lạc-quan trong vũ-trụ. Vậy ta phải thể theo lòng Ngài khai-hóa và đôn-đốc để đổi việc họa ra việc phúc, đổi việc bại thành việc thịnh, đem hết cái tâm-tri khéo-léo của Tạo-vật đã phú cho ta để mở cái màn bí-mật của trời đất ».

(1) Điều-trần về Lục-lợi : tháng 5 năm Tự đức thứ 17 (1864)

(2) Tế cấp bát-điều, điều thứ bảy.

Vả chẳng chính Tạo-vật là một ông thầy hết sức giỏi-giang, ta chỉ việc bắt chước theo ngài : « Đòi xưa người đòi xem bông lau lẫn tròn mà đặt ra bánh xe, xem hình cong của mặt trăng mà làm ra cái cung, xem hình-tượng của mọi vật mà đặt ra chữ, nghe tiếng gió vi-vu mà đặt ra âm-nhạc, xem hình tinh-tú mà chế các đồ dùng, ngắm địa-thế cao thấp mà đắp thành-trì (1) ».

Xem thế ta có thể biết được rằng tuy ông Nguyễn Trường-Tộ là một giáo-dồ của đạo Gia-tô, nhưng cái quan-niệm của ông về tôn-giáo thì rõ-rệt theo Tự-nhiên chủ nghĩa. Cái gì trái với Tự-nhiên là ông ghét cay ghét đắng ; cái gì hợp với Tự-nhiên là, theo ý ông, hợp với lòng Trời.

Vậy cách cư-xử trong đời muốn được hoàn-toàn đầy đủ thì nên giản dị, chất-phác, chứ không nên khắc-khổ, phiền-phức như ta thường thấy ở chung quanh chúng ta.

(1) Điều-trần về việc học tập : 23 tháng bầy năm Tự đức thứ 19 (1866).

XVI.— Nguyễn Trường-Tộ với

VIỆC NGOẠI-GIAO

Lúc ông Nguyễn Trường-Tộ bắt đầu viết các bài điều-trần để dâng lên Triều-đình, thì tình-thế nước ta đã vào bước khó - khăn : Vì vua quan ta không chịu mở nước cho người ngoài vào buôn - bán, lại còn giết hại những người đi giảng đạo và các con chiên, nên nước Pháp mới dùng binh-lực để báo thù. Năm 1856, quân nước Pháp đã đánh phá các đồn - lũy ở Đà - nẵng, rồi dần dần lấy ba tỉnh Gia - định, Định - trường và Biên-hòa. Còn ba tỉnh phía Tây cũng như trứng để đầu dằm.

Đã thế, Triều - đình ta vẫn chưa biết nhân cơ - hội mở cửa ngõ cho người ngoài cùng đến buôn bán trong nước, để kết bè - bạn với các cường - quốc và nhờ người khai - hóa cho

dân. Việc giao - thiệp với nước ngoài thành ra rắc-rối. Ông Nguyễn Trường Tộ là người minh-mẫn, sáng - suốt, trông rõ thấy những điều đáng tránh để tương - lai của nước ta không đến nỗi tối-tăm. Đã sẵn trí thông-minh, quảng-bác, ông lại có một cái tài ngoại - giao đặc-biệt, và một lòng yêu nước cao như non, rộng như bể. Trí ông, tài ông và lòng ông, ông nhiệt - thành đem cả ra phụng-sự quốc-gia trong lúc nguy nan. Vì thế trong các bản điều-trần, ông bàn đến rất nhiều về việc ngoại-giao (1). là việc then - chốt của nước ta hồi bấy giờ. Tiếc rằng khuôn-khổ quyển sách nhỏ này không cho phép tôi nói dài về vấn-đề khó nói đó.

Về việc ngoại-giao ở thời ấy, điều quan-trọng nhất là sự giao-thiệp với nước Pháp: sau khi lấy được thành Gia-định (1859), Trung - tướng Rigault de Genouilly thấy quân Pháp bị bệnh tật khổ sở, mà người Pháp cùng người Anh

1) Ông bàn rất nhiều về vấn đề ngoại giao trong bài luận Thiên-hạ đại-thế và trong các tờ điều - trần ngày 19 tháng 9 năm Tự-đức 19; ngày 23 tháng 9 năm Tự-đức 19; ngày 18 tháng 11 năm Tự-đức 19; ngày 16, 19, 2, 22 tháng 2 năm Tự-đức 21; ngày 15, 20 tháng 3 năm Tự-đức 21; ngày 12, 20 tháng 12 năm Tự-đức 23; ngày 10, 16, 18 tháng 2 năm Tự-đức 24; ngày 29 tháng 4 năm Tự-đức 24; ngày 2 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24; ngày 1 tháng 9 năm Tự-đức 24.

lại đương mắc đánh nhau với nước Tàu, mới đề-nghị giảng-hòa với chính phủ Việt-Nam. Nhưng trong Triều, người thì bàn hòa, kẻ thì bàn đánh, rút cục không xong việc gì. Đến khi Thiếu-tướng Page sang thay Trung-tướng Rigault de Genouilly, cũng đưa thư bàn việc hòa, chỉ yêu-cầu vua quan ta đừng cấm đạo và để cho người Pháp được buôn bán ở các cửa bể; nước Pháp sẽ đặt sứ-thần ở Kinh-đô và lĩnh-sư ở những nơi có kiều-dân Pháp ở. Thực là một dịp hay cho cả hai nước; nhưng khốn thay! trong Triều lúc bấy giờ không ai hiểu thời-thế, nên bỏ lỡ dịp làm bè làm bạn chứ không phải làm thầy làm trò.

Ông Nguyễn Trường-Tộ trông rõ thời-cục, biết rằng sức người mạnh, quân ta yếu, nếu không chủ hòa thì chỉ đem cái họa vào mình và gieo một mối di-hận cho hậu-sinh. Cho nên khi thành Gia-định đã mất rồi, ông có viết một bài điều-trần trong có câu: « Hiên nay quân Pháp đã chiếm mất tỉnh Gia-định và các phủ-huyện thuộc tỉnh ấy, họ đã cho đào hào đắp lũy, tỏ ý muốn ở lâu dài, khác nào hổ đã về núi, rồng đã ra bể rồi; nay nếu ta muốn đóng chặt thành, mong quân họ phải chết thì cũng như muốn quét sạch lá rừng hoặc tát cạn nước

bề vậy. Lúc này không bàn hòa mà chỉ bàn đánh thì có khác chi muốn cứu lửa mà lại đổ dầu thêm, đã chẳng ích gì, lại còn cho cháy mau thêm nữa. Tôi đã xét rõ sự-thế rồi và chỉ cho sự « giao hòa » là thượng-sách mà thôi (1). »

Trúng trọi với đá, có dịp giảng-hòa là may rồi, nếu không thì sự thất-bại sẽ là lẽ tất-nhiên. Cứ xem gương các nước láng giềng thì đủ biết : « Nước Trung-hoa địa - thế chiếm một phần ba cõi Đông-Á, nhân số đến ba-trăm sáu-mươi triệu, oai-thanh lừng - lẫy, thế-lực đến đâu người ta đều hưởng-ứng đến đấy, mọi nơi đều thần-phục cả ; ấy thế mà từ đời Tiên - Minh trở về sau, người Âu-Tây vượt bể đi tới, người Tàu bị thiệt-hại nhiều và phải nhiều lần ký hòa ước ». « Nước Ấn-độ trong năm Càn-long thứ 17 (1752) không chịu nhường cho người Anh một tỉnh-thành mà đến nỗi mất cả nước. Nước Diên-điện trong năm Đạo-quang thứ tư (1824) không nhường cho người Anh miếng đất mà phải cắt cho người ta nửa nước ; đó chỉ là vì không biết lượng sức người với sức mình, nên mới di-hại cho cả nước vậy (2) ».

1) Điều-trần về đại-thế thiên hạ và việc giảng hòa (không rõ ngày tháng).

2) Điều-trần về Lục lợi : tháng 5 năm Tự-đức thứ 17 (1864).

Cho nên chỉ có trước hòa là khôn ngoan hơn cả, hòa để chấn-chỉnh lại trong nước cho kịp người, hòa để cho người diu-dắt mà đi tới cõi văn-minh.

Muốn giúp hòa-cuộc cho có kết-quả, ông nhận lời thỉnh-cầu của người Pháp, vào làm việc cho họ ở Gia-dịnh.

Trong hồi đó, ông hết sức làm cho sự giao-thiệp Pháp-Nam bớt những sự gay-go, hiềm-hóc: nhiều lần, trong khi dịch những thư-từ đi lại, ông phải đổi những tiếng gắt gao ra những lời trang-nhã, để hai bên khỏi méch lòng nhau: « Trong những giấy tờ đi lại đến trên mười lần hề thấy những câu có ý khinh-mạn bất-tốn, tôi đều bỏ đi cả; nếu công-văn bên ta có đoạn nào lý thẳng lời ngay, có bổ-ích cho việc nước, tôi liền phổ-diễn thêm vào cho được hoàn-toàn rõ-rệt, nên chỉ hòa cuộc tuy là chưa thành mà Nguyên-soái là ông Sa (1) cũng đã lần lần tỏ thái độ ôn-hòa có ý muốn bớt số bạc bồi-thường và nhường bớt số đất đã chiếm (2) ».

Nhưng đến khi Thiếu-tướng Bonard sang thay cho Trung-tướng Charner (1861), ông biết hòa-cuộc

(1) Charner.

(2) Bài trần-tình ngày 20 tháng 3 năm Tự-đức thứ 16 (1863).

khó thành, nên xin từ-chức. Trước hồi đó, viết thư cho một người bạn Trung-hoa, ông có làm hai câu thơ đề tỏ u-hoài :

寄 身 曹 氏 徐 元 直。

Ký thân Tào thị Từ Nguyên-Trực,

不 帝 麤 秦 魯 仲 連。

Bất đế Doanh Tần Lô-Trọng-Liên (6).

Đến lúc ba tỉnh phía đông đã không chuộc được, lại còn mất thêm ba tỉnh phía Tây, hòa-cuộc một ngày một khó thực hành. Tuy thế ông Nguyễn Trường-Tộ vẫn không thất-vọng. Mãi đến năm 1871, mấy tháng trước khi ông từ trần, ông còn lo cách ứng-đối đề cầu-hòa. Nhận thấy bên Pháp vì trận Pháp-Phổ chiến-tranh mà thay đổi chính-thê, ông muốn Triều-đình nắm lấy dịp ấy mà giảng-hòa. Ông viết : « Nếu ta mở tất cả cửa bè cho người Pháp thông-thương thì rồi có thể xin họ trả đất đai lại cho được (7) ».

Khi đã giao hảo với người Pháp rồi, thì sẽ tìm cách giao-thiệp với các cường-quốc khác, để làm bè-bạn với nhiều người và để mọi người đều được đến tự do buôn bán trong nước. Khi họ

(1) Xin tạm dịch: Từ Công dù có theo Tào thị.

Chẳng khuất vua Tần, chí Trọng-Liên.

(2) Ngày 10 tháng 2 năm Tự-đức thứ 24 (1871).

đã có lời thì họ sẽ che-chở cho mình và dạy dỗ mình cho có thể cùng họ bước lên đài văn-minh được. Ông khuyên Triều-đình nên trước hết giao-thiệp với nước Anh vì nước đó là một cường-quốc có nhiều quyền-lợi ở Á-Đông; sau đến nước Tây-ban-nha vì cứ theo lời ông lĩnh-sự nước ấy nói chuyện với ông thì người Tây-ban-nha rất có cảm tình với người Việt Nam (1).

Ông cũng mong nhà vua thân thiện cả với Giáo-hoàng nữa : « Giáo-hoàng tuy trong tay không có binh-quyền, nhưng các nước đều ngưỡng-vọng vào quyền xử-đoán khúc-trực của ngài. Nếu ngài cho sự giúp là phải, thì mọi nước vui lòng giúp ta cả ».

Sự giao-thông với các cường-quốc là một sự cần-thiết đê-nhất ở cuối thế-kỷ thứ mười chín, nên ở chung quanh ta, các nước đều biết mở cửa ra đón người vào làm bè bạn cả :

« Nước Trung-hoa ở triều Minh vì phong-tỏa các cửa bể nên bị người Âu đến đánh cho mấy trận kinh-hồn. Nhưng tự triều Thanh người Tàu, đã biết nhờ người Âu giúp đỡ để giệp nội-loạn; thuê người Âu lập xưởng máy, dạy trí xảo, chế

(1) Điều-trần ngày 26 tháng 9 năm Tự đức thứ 19 (1866).

đồ-đạc, đóng lâu bè, mượn người Âu làm quan, để thay họ đi sắm các khí-cụ ; lại đặt đại - sứ ở các nơi, phái sứ - thần đi các nước lớn, để mưu cái chức « liên - hiệp dọc ngang »... Nước ta từ xưa việc gì cũng bắt theo Trung - quốc, sao việc giao-thông với các cường-quốc lại khinh-thị như chưa hề nghe thấy ? (9). »

Còn Nhật-bản thì từ giữa đời Minh họ đã giao-thiệp với Hà-lan và Bồ-đào-nha, lại có người Mỹ giúp cho để mở đường văn-minh, rộng thêm chí-hướng ; tự đó họ lại đóng thuyền học võ, mở-mang công-thương càng ngày càng thịnh - vượng, đến nỗi người ta phải tặng cho cái biệu là « Tiểu-Tây » mà Trung-hoa cũng không bắt thần-phục được nữa ».

Đến như nước Xiêm bên cạnh, thì năm 1867, trong tập « tế-cấp bát điều », ông Nguyễn Trường-Tộ còn khinh là một nước vô-phúc, không thể sánh được với nước ta, thế mà đến năm 1871, trong bài điều-trần về sự ích-lợi của việc giao-thông, ông phải khen rằng : « Nước Xiêm-la trước kia chẳng có gì là cường - thịnh, thế mà từ khi người Âu đến đánh thức, họ liền tỉnh-ngộ, mời hai nước Anh, Pháp về làm bạn, và hai nước Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha về làm khách, để các nước

(9) Điều-trần ngày 20 tháng 2 năm Tự đức thứ 19 (1871).

đến buôn bán tự-do, nghiêm-nhiên là chủ-nhân-ông, khiến nước thì làm khách, nước thì làm bạn, ai nấy đều xưng họ là Đông-đạo-chủ-nhân ».

Ấy đấy những gương sáng bày ngay bên cạnh, sao ta không biết trông đó mà noi theo ?

. . .

XVII. — Văn Thơ Nguyễn Trường-Tộ

Xem các thiên trên, ta đã thấy ông Nguyễn Trường-Tộ là người chỉ trọng thực-tế, ghét sự phù-hoa, không ưa lối văn - chương kiêu - sức. Lời văn của ông trong các tập điều-trần lưu-loát như nước chảy, sáng-sủa như mặt trời. Ông chỉ quan - tâm đến có một điều là làm thế nào cho người đọc có thể hiểu được đầy đủ ý-tưởng của ông...

Ngay từ lúc thiếu - thời, khi còn học ông huyện Địa-linh, ông đã tỏ ý khinh lối từ-chương, cho nên không chịu làm những bài văn chỉ có lời đẹp mà rỗng: Học ông Huyện ba năm, mà chỉ có một lần vì thầy ép quá, ông mới làm một bài phú thi với anh em. Đầu bài ra

là : « Xa-giá Tây-đô Trường-an phú ». Ông hạ bút viết thao-thao ; đến lúc nộp bài ; thầy phê cho chữ « tru » và khen lấy khen để. Tuy vậy ông vẫn thản-nhiên, vì đã thừa biết là lối thi phú của chế-độ khoa-cử không có một chút thực-dụng nào.

Song người trọng thực-dụng ấy lại là người có một tấm lòng đầy tình-cảm và một trí tưởng-tượng mạnh-mẽ. Tình-cảm ấy, tưởng-tượng ấy thêm vào nền giáo-dục thần-bí của đạo Gia-tô đã tạo nên cho ông một tâm-hồn thi-sĩ tuyệt vời.

Những lúc cảm hứng xúc-động, tư-tưởng dồi-dào, ông phải thốt ra những lời thơ hoặc kháng-khái hoặc thiết tha. Tiếc rằng ông chỉ viết toan thơ chữ Hán, nhưng không phải vì thế mà ta có thể để ông ra ngoài làng thơ Việt-Nam được.

Sau đây chúng tôi xin trích mấy bài thơ đặc-sắc của ông, để độc-giả thưởng-thức một lối thơ không gọt rũa, vọt tụt đáy lòng ra và còn như giữ nguyên được mau tươi thắm của con tim.

Lúc ở Pháp về, đi thẳng lên Hương-cảng, ông có gặp một ông Giám - mục người Anh. Vì là chỗ thanh-khí, nên hai ông quyến-luyến nhau lắm. Ông Giám - mục giữ ông Nguyễn Trường-Tộ ở lại mấy tháng, khi về lại còn cho

mấy trăm bộ sách, nhưng giữa đường bị bọn giặc bẻ cướp mất cả.

Trong khi ở lại Hương-cảng, ông đi thăm miếu Hạng-Vũ, nhân cảm-hùng có đề một đôi câu đối :

英雄用武非無地.

Anh - hùng dụng vũ . phi vô địa,

戰勝成功蓋有天.

Chiến-thắng thành công cái hữu thiên.

Xin tạm dịch :

Dùng võ anh-hùng không thiếu đất,

Nên công chiến-thắng ở như trời.

Câu đối ấy tả được cái khi-phách trượng-phu của Hạng-Vương chỉ biết lẫn mình vào vòng chiến-đấu, còn cuộc thành - bại không thêm để ý đến. Mà cái chí-khi ấy cũng hợp với lòng hoài - bão của ông Nguyễn Trường-Tộ, lúc bấy giờ ở Pháp mới về, chỉ muốn đem cái kiến-thức của mình ra phụng-sự quốc-gia, nhưng không biết có được thành công hay không, cho nên ông mượn tư-cách người xưa mà tỏ ý mình.

Cũng hồi ấy, cùng mấy bạn làng văn đi chơi núi ở Quảng-dông, ông có họa với họ một bài :

乘閒徙履 巨登山,

Thừa nhàn tở lý trực đăng sơn,

足 下 風 生 轉 覺 寒。
Túc hạ phong sinh, chuyển giác han.
汗 漫 已 窮 蒼 莽 外,
Hãn - mạn dĩ cùng thương mǎng ngoại,
徘徊 如 在 碧 雲 端。
Bồi - hồi như tại bích vân đoan.
三 環 城 市 分 明 看,
Tam hoan thành thị phân minh khan,
兩 廣 江 山 指 掌 間。
Lưỡng Quảng giang sơn chỉ chưởng gian.
萬 里 扶 搖 如 可 借,
Vạn lý phù dao như khả tá,
凌 空 回 國 不 應 難。
Lăng không hồi quốc bất ưng nan.

Xin tạm dịch :

*Thư-nhân bước tới đỉnh non chơi,
Dưới gót hiu-hiu gió lạnh người.
Đã lúc lang-thang bên góc bể,
Nay còn lơ-lửng giữa mây trời.
Ba vòng thành thị trông từng chỗ,
Hai Quảng non sông trở khắp nơi.
Muôn dặm gió đưa, như mượn được,
Muốn về đất nước, chẳng bao hơi!*

Lúc bấy giờ ông mới ở Âu-châu về, mắt đã từng thấy cái văn-minh sán-lạn của người ta, ông

tự cho như người đã giác - ngộ, chỉ muốn mau mau về nước để đem cái sở-học ra làm ích cho đồng-bào. Cái giang - sơn của nước Tàu đối với ông không có gì đáng lưu-luyến ; ông mong mỗi chóng dời cái đất căn-cõi ấy mà về quê non sông của mình, cho nên đứng trên đỉnh núi cao, nhìn bao-quát cả thành-thị ở dưới chân, ông chỉ muốn nhờ ngọn gió to đưa bổng về đến quê nhà. Lòng yêu nước tràn ngập tâm-hồn nhà thi-sĩ, nên lời văn phóng-khoáng, ngang-tàng biết bao !

Về sau, khi đã giúp ông tổng - đốc Hoàng Tá - Viêm đào xong kênh Sắt, ông được Triều-đình đề ý đến, nhà vua vời vào Kinh, ông hăm-hở về bệ-kiến, vì tin rằng phen ấy là một cơ-hội để ông trở tài giúp nước.

Khi đi qua Đèo-ngang, ông có làm một bài cảm-tác :

此	地	昔	曾	南	北	限,		
Tử	địa	tích	tăng	Nam	Bắc	hạn,		
欣	今	一	統	北	南	平.		
Hân	kim	nhất	thống	Bắc	Nam	binh.		
危	關	足	壯	山	河	色,		
Nguy	-	quan	túc	tráng	sơn	-	hà	sắc,
絕	頂	中	分	宇	宙	形.		
Tuyệt	-	đỉnh	trung	phân	vũ	-	trụ	hình.

戰 壘 已 殘 留 古 跡
Chiến - lũy dĩ tàn, lưu cổ - tích,
御 碑 長 在 作 山 靈.
Ngự - bi trường tại, tác sơn linh.
行 人 莫 嘆 登 臨 苦,
Hành nhân mạc thán đăng lâm khổ,
過 此 方 知 近 帝 城.
Quá thử phương tri cận Đế - thành.

Xin dịch :

*Đất này xưa vẫn phân Nam, Bắc,
Yên-ôn mừng nay hợp một nhà.
Non thẳm chia đôi hình vũ-trụ.
Ái nguy tô đủ sắc sơn-hà.
Lũ tàn tích cũ còn lưu lại,
Bia ngự non thiêng vẫn chữa lò.
Lên ngắm thôi dừng than vất-vả,
Kinh-kỳ, qua đó chẳng còn xa.*

Bài thơ ấy thực tả được hết cái lòng khăng-khít của ông đối với vận-mệnh của quốc-gia và tấm nhiệt-thành của ông đối với nền cải-cách mà ông đương mơ-tưởng.

Ông được nhà vua phái sang Pháp, cùng với Giám-mục Gauthier và ông cố Điều, để mua máy móc và mướn thợ thuyền. Khi đi qua Đà-nẵng, nơi hai quân Pháp, Nam giao-tranh lẫn đầu năm 1856, ông xúc-cảm làm bài thơ sau này :

萬代天池此風景，
Vạn đại thiên - trì thử phong cảnh,
西朝何事動兵刀？
Tây - triều hà sự động binh đao？
一朝殺氣空流水，
Nhất triều sát - khí không lưu thủy,
千古轟聲尚怒濤。
Thiên cổ oan - thanh thượng nộ đào。
江自西南雙派下，
Giang tự Tây - Nam song phái hạ,
門開東北兩山高。
Môn khai Đông - Bắc lưỡng sơn cao。
如今已慶鯨波靜，
Nhu kim dĩ khánh kinh ba tĩnh,
破浪乘風氣自豪。
Phá lãng thừa phong khí tự hào。

Xin dịch :

*Vũng ấy muôn năm, cảnh khác nào !
Trời Tây sao bỗng nổi binh-đao ?
Can qua một sớm đầy sông thẳm,
Oan-khốc nghìn năm dậy sóng ào.
Tự ngã Tây-Nam, hai nhánh chảy,
Mở đường Đông Bắc cặp non cao.
Ngày nay sóng cả mừng yên-tĩnh,
Cuối gió lảng-lảng khi tự hào.*

Bình sinh ông vẫn tin rằng binh-lực của ta đối với lực lượng của người không thấm-thía vào đâu, nên ông chỉ mong nước ta giảng-hòa với nước Pháp và giao hảo với các cường-quốc Âu - châu, để nhờ họ diu-dắt cho được kịp người.... Nhưng ông là người bao giờ cũng lạc-quan, nên bất-cứ ở tình-thế nào, ông cũng vẫn nòng-nàn kỳ-vọng về tương-lai. Nỗi buồn thảm cũ không thể át được lòng ông mong-mỏi một thời-kỳ rực-rỡ về vang cho non sông nước Việt.

Khi đi qua Thạch-bi-sơn (ở phía Nam Trung-kỳ), ông có làm một bài thơ bất-hủ. Bài thơ này, hội Tri-tri Hà - thành đã chọn làm đầu đề về kỷ dịch thơ năm 1941 :

風 不 能 搖, 雨 不 推,
Phong bất năng dao, vũ bất tời,
碑 傳 萬 古 自 崔 嵬.
Bi truyền vạn cổ tự đôi - ngôi.
孤 圓 如 削. 排 山 頂,
Cô viên như tước, bài sơn đỉnh,
卓 立 無 雙, 振 水 隈.
Trác lập vô song, trấn thủy - ôi.
想 是 補 天 曾 鍊 過,
Tưởng thị bổ thiên tăng luyện quá,

非 關 填 海 被 驅 來。
Phi quan điền hải bị khu lai.
若 遺 隻 箸 成 雙 箸,
Nhược di chích trở thành song trở,
地 作 盤 餐, 海 作 杯。
Địa tác bàn xan, hải tác bôi.

Bài thơ này rất khó dịch, vì lời thơ hùng-tráng mà tứ thơ thì rất bất-ngờ. Chúng tôi xin tạm dịch đây, cũng tự biết còn nhiều chỗ non yếu :

*Gió thổi mưa tuôn, chẳng chryên lay,
Bia truyền chót-vót tựa xưa rày.
Tròn-tròn như gọt, dầu non thắm.
Sừng-sừng riêng coi góc rước mây.
Hắn đề vá trời từ-gi luyện trước,
Phải đầu lấp bễ bị lừa đây.
Giá đem so đũa thành đôi nhĩ (1),
Đất ăn lôm môm, bễ chén đầy !*

Tả một ngọn núi, đứng trơ ở miền hải-biên, một bên là mặt đất phẳng lý, một bên là bễ

1) Một bạn đọc vừa mới cho chúng tôi biết rằng: Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh dùng chữ Chích trở là định nói đến một ngọn núi ở phía Bắc Trung kỳ. Vậy câu ấy phải dịch như sau đây :

Giá rời Núi Đũa so đôi nhĩ:

khơi, mà dám đem so sánh với một chiếc đũa không-lõ đặt bên một cái mâm và cái chén vĩ-dại, thì thực là đột-ngột mà hào-hùng. Tri tưởng tượng mạnh - mẽ đến thế thì thiết-trưởng trong vườn thơ Việt Nam chưa có ai sánh kịp.

Vả lại khi làm bài thơ ấy, ông không khỏi chẳng nghĩ đến chí - hướng của ông: trong cả một nước chỉ riêng mình ông là sáng suốt, là trông rõ thời-cục và muốn ra tay cứu vớt cả đồng-nòi, thế thì có khác gì

một ngọn núi cao đứng ngao - nghễ khinh cả gió mưa, vì đá núi ấy chính là đá bà Nữ-Oa đã rền ã và trời, nếu không phải là đá của chim Tinh - Vệ ngậm đi ã lấp bẽ Đông!

Tiếc rằng chúng tôi không thể chép được hết các văn-thơ của ông Nguyễn Trường - Tộ



Gia đình bà Đồ Cửu, nàng dâu của Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh

(Kính ảnh Vũ-Tuấn San)

Nhưng mấy bài trích - dịch trên này cũng đủ tỏ cái thi-tử phóng - đạt của ông và nhất là tấm lòng thiết - tha của ông đối với đất nước, non sông. Cái một cái nhiệt - tâm đối với tiền-đồ tổ - quốc, biểu - lộ trong lời thơ của ông, cũng đủ để ông có một địa-vị xứng-đáng trong thi-đàn nước nhà vậy.



Tổng luận

Ở Á Đông hồi cuối thế-kỷ thứ mười chín có ba bậc vĩ-nhân là : Phúc-Trạch Du Cát, Khang Hữu-Vy và Nguyễn Trường-Lộ.

Ba người đều là những vị có học thức rộng, có tư tưởng cao và đều có chung một hoài-bão là muốn thức-linh đồng-bào để quốc gia được hưng-thịnh cho kịp hăng các nước Âu-Mỹ.

Phúc-Trạch Du-Cát là người Nhật, ở thời kỳ Minh-trị duy tân. Vì muốn cho nước Nhật thoát được chế-độ phong-kiến và thống nhất tự-cường, ông liền bỏ Hán-bọc mà đi cầu Hòa-lan học và Anh học. Nhờ được hai lần đi theo sứ thần qua Mỹ và Âu, ông hiểu rõ đại-thể thiên-hạ cùng văn-hóa Thái Tây. Khi về nước ông chủ - trương hai việc : một là giáo-dục dân-chúng bằng sách, báo ; hai là rèn tập nhân-tài bằng bọc-đường. Trọn đời ông, bao nhiêu tâm-tư sự-nghiệp dồn cả vào hai

việc quan-trọng ấy. Những tác-phẩm của ông như quyển « Tây-dương sự - tinh » và bộ « Học - vấn chi khuyến », phổ-cập hết cả trong dân-gian và có một ảnh-hưởng rất sâu xa trong việc cải-tạo nước Nhật. Nhất là trường « Khánh - ững nghĩa-thục » của ông lập ra đã đào-tạo cho nước ông được mấy muôn nhân-tài, chính là những người thợ đầu tiên đứng xây cái lâu đài vĩ-dại của nước Nhật, ai nấy đều coi ông như một người có công lớn đối với cuộc duy-tân của nước họ.

Cùng thời ấy, ở Trung-quốc nhà chi-sĩ Khang Hữu Vy cũng hăng-hái muốn gây dựng nên một nước Tàu mới. Sau khi đỗ tiến-sĩ, ông liền bỏ chữ Hán, học chữ Anh, rồi đi du-lich ngoại-quốc. Khi trở về, ông muốn đem kiến-thức của ông ra làm việc cho nước. Nhưng đáng lẽ chuyên về việc trừ-thuật và giáo-duc như Phúc-Trạch Dụ Cát, ông lại muốn mau mau đập đổ các chế-độ cũ - kỹ của nước Tàu để kéo nước ông lên địa-vị các cường-quốc văn-minh. Nhưng, than ôi ! việc chủ - trương chính - trị của ông đã bị bọn quyền-gian nhà Mãn-Thanh vì tư-lợi mà phá bỏ đi hết. Không những sự - nghiệp của ông không có kết-quả gì mà ông lại còn phải bôn - ba ra nước ngoài, và bọn đồ - đệ của ông thì bị giết hại tàn-nhân.

Đến Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh thì tuy không bị một số - phạn nghiệ - ngào như thế, nhưng cũng vì tiên - sinh hăm-hở muốn đem tài-học ra cứu-vãn ngay lấy cái vận-mệnh nước nhà, mà sự-nghiệp của tiên-sinh loại - thành vô ích cho đời...

Có người nói : « Những sự-nghiệp thay cũ đổi mới khiến cho nước nhà được vững bền, xã-hội được tiến - hóa, nòi giống được thịnh-cường, không phải một nhờ ở cái trí-thức đặc-biệt của một đời người, mà phải trông cậy cả vào cái trí-thức phổ-thông của số nhiều họp lại giúp nên mới thành được (1) ».

Nói thế cũng có lý, nhưng nếu hồi đó Triều-đình biết thu-dụng tiên-sinh để tiên-sinh đem cái thông-minh siêu-quần, cái kiến-thức bạt-chúng và một bầu nhiệt huyết ra cải-tạo nước nhà thì kết-quả chắc là vững vàng, kiên - cố biết bao ! Lắm lúc, chúng tôi tự nghĩ : Nếu hồi ấy Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh được làm thủ-tướng trong Triều, được vua tin dân mến, để thi-hành triệt-để những bản chương - trình của tiên-sinh đã phác ra về mọi phương-diện, thì không biết ngày nay chúng ta đã đi đến bước nào !

1) Nguyễn Trọng-Thuật Nam-Phong số 180.

Than ôi ! Cái chí lớn vì dân vì nước của tiên-sinh rút cục chỉ là một ảo-mộng, khiến bọn hậu-sinh chúng ta đọc lại tập điều-trần mà ngẩn-ngơ nhớ tiếc. Nhưng nhớ tiếc hão-huyền cũng là chuyện vô-ích. Bồi-phận chúng ta là phải noi gương của tiên-sinh mà gắng gỏi làm cho nước nhà chóng bước kịp người.

Riêng đối với tiên-sinh chúng ta phải tỏ lòng biết ơn người đã suốt đời tận-tụy với tiền-đồ của quốc-gia, cũng như nước Nhật và nước Tàu hiện nay vẫn còn dành cho Phúc-Trạch Du-Cát và Khang Hữu-Vy những trang rực-rỡ trong quốc-sử.



MỤC LỤC



Mấy lời ngỏ trước.

- 1) Nguyễn Trường-Tộ.
 - 2) Nguyễn Trường-Tộ với Khổng-giáo và hủ-nho
 - 3) Nguyễn Trường-Tộ với việc cải-cách nền học-
thuật
 - 4) Nguyễn Trường-Tộ với quốc-âm
 - 5) Nguyễn Trường-Tộ với việc cải-lương phong-
tục
 - 6) Nguyễn Trường-Tộ với việc xã-hội cứu-lẽ
 - 7) Nguyễn Trường-Tộ với vấn đề sinh-tai
 - 8) Nguyễn Trường-Tộ với việc nông-chính
 - 9) Nguyễn Trường-Tộ với việc khai-khoáng
 - 10) Nguyễn Trường-Tộ với việc thuế-khóa
 - 11) Nguyễn Trường-Tộ với phép thống-kế và việc
đặc-điền
 - 12) Nguyễn Trường-Tộ với việc mở-mang thành-
thị
 - 13) Nguyễn Trường-Tộ với việc chỉnh đốn võ-bị
 - 14) Nguyễn Trường-Tộ với Triều đình và quan-lại
 - 15) Nguyễn Trường-Tộ với tôn - giáo và Tạo - vật
 - 16) Nguyễn Trường-Tộ với việc ngoại-giao
 - 17) Văn-thơ Nguyễn Trường-Tộ
- Tổng-luận

Triều Tây-Son

khởi nghiệp rất nhanh !

bị tàn rất chóng !

Triều Tây - Sơn

là một triều độc nhất trong lịch sử Việt-nam, chẳng những đã đánh đuổi quân Tàu mà lại còn dự định cả cuộc xâm lăng miền Bắc.

Triều Tây-Son có Nguyễn - Huệ, ông vua tri-dũng có thừa. Nhưng quanh Nguyễn Huệ còn bao nhiêu bề tôi đảm-lược, mưu-tri, dũng-mãnh như Ngô-tht-Nhậm Nguyễn-hữ-Chỉnh, Vũ-văn-Nhậm Phan-huy-ích, Vũ-văn-Dũng, Trần-quang-Diệu...

Triều Tây-Son lại còn những trang nữ-lưu-ván chường lối lạc như Ngọc-Hàn công-chúa, càn-quắc anh hùng như Bùi-thị Xuân.

Triều Tây-Son lại còn một ông già kỳ lạ ẩn trong núi, làm cho vua Quang Trung ba lần triều vẫn không chịu ra giúp, mà vẫn được coi như là một vị sư phó tiên tri, tiên giác. Đò chinh là La-Son tiên-sinh, ông già đến đời vua Gia-Long cũng vẫn còn được trọng vọng

Triều Tây-Son

của Phan Trần-Chúc

Đã thuật rõ đời những nhân-vật quan-trọng trong Triều Tây-Son, phân tích từng tài nghệ, tính-tình, làm cho người đọc ham-mê những tài-liệu trong cuốn khảo cứu rất công phu về lịch-sử có phần hơn đọc tiểu thuyết vậy.

Sách in 2 loại

Giấy thường giá t\$70 thêm 0\$32 cước. Mua C.Rt 1\$32.

Lụa Dó — 3.00 — 0\$47 — 3\$77.

Nhà in Mai-Linh Hanoi xuất-bản

Về triều Tây-sơn. lẽ tất-nhiên Nguyễn-Huê là một nhân vật trọng-yếu nhất. Nhưng đời Bắc-bình-vương không có gì là lạ cho lắm ngoài cách hành-binh kỳ diệu và cái trí quật-cường; nếu so sánh về phương diện thăng-trầm biến-đổi, lúc yên, lúc nguy, khi tiến khi thoái, thì thực không thể nào bằng được đời NGUYỄN HỮU-CHÍNH.

Từ lúc lia chúa Trịnh vào đầu hàng Nguyễn-Nhạc, đến lúc theo Nguyễn Huê ra Bắc phủ Lê diệt Trịnh, cho đến lúc bị bỏ lại đất Nghệ-an; Nguyễn Hữu Chính đã tương đến lúc không còn đất sống, nhưng một người có mưu-cơ, có thủ-đoạn như Chính, khi nào lại chịu bó tay. Vì thế mà có lúc Chính lần thứ hai ra Bắc-hà chiếm một địa vị cao quý, được phong tước Bạng Quận-Công, nhưng chẳng tránh được số trời, Chính kết cục cũng bị Nguyen-Huê cử đại-binh bắt giết.

Bạng Quận-Công

của PHAN TRẦN-CHỨC

thuật lại một cách rõ ràng và linh hoạt đời con chim bạng đất Côn-lĩnh, từ lúc lia tổ, qua thời cất cánh lên cao, gặp cơn bão gió phải lui về ẩn nấp, cho đến lúc gặp dịp quật-cường, làm sấm làm sét để kết-cục phải sa-cơ, chịu chết, ghi lại muôn đời một tiếng « đại gian hùng »...

Bạng - Quận - Công đáng khen hay đáng trách, chỗ nào đáng khinh, chỗ nào đáng phục, có thể bước vào tội tham quyền lộc để đến nỗi phải vong thân, hay chỉ nên thương vì không may sinh vào đời quốc gia đa-sự ; Muốn bình luận một cách xác đáng, cần phải đọc cuốn :

Bạng Quận-Công

Sách in hai loại :

Giấy thường giá 1\$00 thêm 0\$40 cước. Mua C. Rt 1\$77
 Lụa Dó — 4\$00 — 0.47 — 4\$77

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi xuất-bản

Mai Linh tu thư cục

Giáo dục từng thư

Những thói xấu của trẻ con	(sắp in)
Nhi đồng giáo dục	(sắp in)

Phổ thông từng thư

Contes & légendes d'Annam I	2\$50
Contes & légendes d'Annam II	2. 50
Lều chõng	1. 95
Việc làng	0. 35
Thơ và tình	0. 30
Muốn khoẻ	0. 50
Tàn đèn dầu lạc (2 cuốn)	0. 70
Bạt mưa sa	0. 45
Đứa con tội ác	0. 35
Những mảnh tình	0. 48
Bíp đời	0. 35
Đoán điềm giải mộng	0. 35
Bóng Lê tàn	(sắp in)

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại	0. 50
Tâm hồn phụ nữ	0. 50
Nghệ thuật tâm me	0. 45
Thụ thai theo ý muốn	0. 50

Loại trình thám

Vết tay trên trần	hết
Chiếc tất nhuộm bùn	hết
Người một mắt	hết
Kỳ-phát giết người	0. 45
Nhà sư thọt	0. 45
Đôi hoa tai của bà chúa	0. 50
Đám cưới Kỳ-Phát	(đương in)

Mai-Linh tu thu cuc

Văn-học từng thư

Văn học đời Lý	0\$80
Văn học đời Trần I	2. 00
Văn học đời Trần II	(sắp in)

Triết-học từng thư

Phê-bình nho-giáo	0. 30
Lão tử	0. 80
Mạc-tử	(sắp in)

Sử-học từng thư

Triều Tây sơn	0. 70
Bảng Quận công	1 00
Nguyễn trường Tô	1. 20
Nước Nhật ngày nay	(đương in)

Y học từng thư

Việt nam dược học I	0 80
Việt nam dược học II	0. 80
Việt nam dược học III	0. 80
Việt nam dược học IV	0. 80
Việt nam dược học V	(đương in)

Giáo-dục từng thư

Leçons de Japonais	3. 00
Petit guide Japonais Français Annamite	1. 20
Học tiếng Ang-lê theo lối thực hành	0. 60
Học tiếng Tàu theo lối thực hành	0. 35
Học tiếng Nhật theo lối thực hành	bết
Học tiếng Pháp theo lối thực hành	bết
Luận-ngữ cách ngôn	0. 50
Lên tám	0 20
Bộ bài A. B. C. bằng gỗ	2. 00
Cours d'analyse grammaticale et logique	0. 60
L'art de conjuguer les verbes	0. 30
Collection P. J. S	3. 00
Le Participe à l'aide d'exemples	0. 12
Précis d'Inst Civique C. Sup.	0. 26
Précis d'Inst Civique C. Moyen	0. 26
Việt nam tốc ký	0. 55